

TỜ TRÌNH

**Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 5 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XV, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, cụ thể:

I. Một số quy định về nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm:

1. Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2. Quy định mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương.
3. Quy định nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội.
4. Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội.

II. Nguyên tắc chung xây dựng nội dung, mức chi

1. Các nội dung, mức chi đảm bảo theo đúng quy định của Trung ương và thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố.
2. Kế thừa một số nội dung và mức chi đang quy định của Thành phố hiện nay còn phù hợp.
3. Các mức chi đề xuất phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách các cấp.

(Nguyên tắc cụ thể của từng quy định theo Tờ trình của các Sở gửi kèm)

III. Quy định cụ thể một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội

1.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

- a. Đối với hộ gia đình cận nghèo:

Ngày 26/6/2012, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 797/QĐ-TTg về nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; trong đó quy định: ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu bằng 70% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình cận nghèo; đồng thời quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ khả năng ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác có thể quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Quyết định này.

Căn cứ quy định của Trung ương, UBND Thành phố đã có Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 quy định hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình cận nghèo kể từ ngày 01/01/2014.

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 về chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tiếp cận đa chiều thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020; trong đó quy định mức chuẩn hộ nghèo, cận nghèo của Thành phố cao hơn so với quy định của Trung ương. (Theo chuẩn cận nghèo mới, năm 2017, toàn Thành phố có 142.811 người thuộc hộ gia đình cận nghèo). Với việc hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình cận nghèo theo chuẩn cận nghèo của Thành phố, dự kiến kinh phí thực hiện hỗ trợ từ ngân sách Thành phố hàng năm khoảng 93.000 triệu đồng. Đây là chính sách hỗ trợ đặc thù của Thành phố cao hơn so với quy định của Trung ương nhằm hỗ trợ cho các đối tượng giảm bớt khó khăn trong cuộc sống. Mức hỗ trợ và dự kiến kinh phí hỗ trợ hàng năm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách Thành phố.

b. Đối với bệnh nhân phong:

Ngày 15/01/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND về việc cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho một số đối tượng, bao gồm: người nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại xã, phường và đang được nuôi dưỡng tại các trung tâm bảo trợ xã hội; người mù có hoàn cảnh khó khăn; người bị bệnh phong; người dân thuộc Chương trình 135.

Hiện nay, trong các đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí theo Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố, chỉ còn đối tượng người bị bệnh phong chưa có quy định được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, các đối tượng còn lại đã được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo các quy định của Trung ương¹. Do đó, chính sách hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người bị

¹ Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014, có 17 trường hợp được cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí, trong đó có Người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo; Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng và Điều 9 Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó quy định người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng được nhà nước cấp thẻ bảo hiểm y tế

bệnh phong là chính sách đặc thù của Thành phố do Trung ương chưa có quy định.

Hiện nay, Thành phố còn 81 người bị bệnh phong đang được chăm sóc tại Bệnh viện Da liễu Hà Nội. Do số lượng người bị bệnh phong không còn nhiều, việc hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người bị bệnh phong là cần thiết để giúp giảm bớt khó khăn cho các đối tượng và thực hiện chính sách an sinh xã hội của Thành phố.

c. Về thẩm quyền ban hành quy định:

Tại Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật ngân sách nhà nước năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.*

Vì vậy, việc Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

1.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định này quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng:

- Người thuộc hộ gia đình cận nghèo (theo chuẩn cận nghèo của thành phố Hà Nội) được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận.

- Người bị bệnh phong đang được chăm sóc tại Bệnh viện Da liễu trực thuộc Sở Y tế Hà Nội.

1.3. Đề xuất cụ thể

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất giữ nguyên mức hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn Thành phố và người bị bệnh phong đang được nuôi dưỡng tại Bệnh viện Da liễu Hà Nội như Thành phố đã triển khai trong giai đoạn vừa qua.

1.4. Nguồn kinh phí thực hiện:

a. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Thành phố đảm bảo.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện: Dự kiến kinh phí thực hiện hỗ trợ hàng năm khoảng 93.500 triệu đồng (Trong đó: Người thuộc hộ cận nghèo khoảng 93.000 triệu đồng, người bị bệnh phong khoảng 500 triệu đồng.)

1.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2770/TTrLN:LĐTBXH-YT-TC ngày 15 tháng 9 năm 2017 của liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Y tế - Tài chính và

Công văn số 2900/LĐTBOXH-BTXH ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội)

2. Quy định mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương.

2.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

a. Sự cần thiết ban hành:

Ngày 29 tháng 9 năm 2016, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 36/2016/TT-BYT quy định việc thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phong, tâm thần của Nhà nước; theo đó, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần (82 danh mục bệnh quy định mức chi/1 người bệnh/1 đợt điều trị).

Tại Công văn số 1510/KCB-NV ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh (Bộ Y tế) về định mức kinh tế kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại Bệnh viện Tâm thần Mai Hương, theo đó:

“a) Năm 2016, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh được Bộ Y tế giao, phối hợp với các Bệnh viện, chuyên gia liên quan xây dựng Danh mục bệnh, định mức kinh tế kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh phong và người bệnh tâm thần cho 01 người bệnh /01 đợt điều trị nội trú. Đây là căn cứ để Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT”.

Theo hướng dẫn trên, mức chi ngân sách thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Y tế là cho 01 đợt điều trị nội trú (ngày và đêm). Tuy nhiên, thực hiện chức năng nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân Thành phố giao, Bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương chỉ thực hiện nhiệm vụ khám, chữa bệnh bán trú (ban ngày) cho người bệnh tâm thần bằng thuốc kết hợp cộng đồng và toàn xã hội để bệnh nhân hoà nhập vào cuộc sống.

b. Về thẩm quyền ban hành quy định:

- Tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 8, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định về thẩm quyền và trách nhiệm định giá:

“3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật đối với: Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) và gửi quyết định giá về Bộ Y tế, Bộ Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước;”

- Tại Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật ngân sách nhà nước năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.*

Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương là cần thiết, làm cơ sở tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

2.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh: quy định mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương.

b. Đối tượng áp dụng: Bệnh nhân tâm thần được khám chữa bệnh tại bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương.

2.3. Đề xuất cụ thể:

a. Về danh mục

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Y tế quy định việc thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phong, tâm thần của Nhà nước.

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất danh mục thực hiện khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương đảm bảo đủ 82 danh mục theo quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Y tế.

b. Về định mức kinh tế kỹ thuật

- Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật chuyên môn của 82 danh mục dịch vụ tại Bệnh viện tâm thần Ban ngày Mai Hương theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 1510/KCB-NV ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế.

- Định mức kinh tế kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần cho 01 mã bệnh/01 người bệnh/01 đợt điều trị (*không bao gồm các khoản chi về lương cho con người*) tại bệnh viện tâm thần Ban ngày Mai Hương gồm: Chi phí trực tiếp để thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và chi phí quản lý chung (chi phí khác), cụ thể như sau:

+ Chi phí trực tiếp bao gồm: Các chi phí để thực hiện các dịch vụ: Xét nghiệm, đoán hình ảnh, thăm dò chức năng (đã bao gồm các chi phí hóa chất, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế) và chi phí thuốc, dịch truyền

+ Chi phí khác: Chi phí để thực hiện cho các hoạt động thường xuyên (điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ...).

c. Về mức chi từ ngân sách cho hoạt động khám, chữa bệnh chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương

Mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương được xây dựng trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ y tế trên nguyên tắc các danh mục và định mức kinh tế kỹ thuật như đã trình bày đảm bảo không vượt quá mức chi đã được Bộ Y tế ban hành tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Y tế

2.4. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện:

a. Nguồn kinh phí: Ngân sách Thành phố đảm bảo.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện: Dự kiến với mức chi nêu trên và số bệnh nhân điều trị 800 đợt theo mã bệnh, kinh phí dự kiến thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương 01 năm khoảng 3.500 triệu đồng.

2.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

(Chi tiết tại Tờ trình số 3950/TTrLS: YT-TC-LĐTĐ&XH ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Liên Sở của liên Sở: Y tế - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội).

3. Quy định nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội

3.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Tại Khoản 3 Điều 6, Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư này”.

Để kịp thời triển khai Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính, đồng thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố; việc Ủy

ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội là cần thiết.

3.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

- Quy định mức chi cho công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng ảnh hưởng đến nhiều đối tượng tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Các nội dung chi khác không quy định tại Phụ lục này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

b. Đối tượng áp dụng:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 1, Khoản 17 Điều 3, Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính bao gồm: cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn Thành phố.

3.3. Đề xuất cụ thể

- Đối với các nội dung chi, mức chi đã được Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan quy định cụ thể: Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trường hợp quy định của Trung ương có sự thay đổi thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

- Tại Khoản 17 Điều 3 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, điểm d, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính chỉ quy định mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng, mức chi tối đa là: 500.000 đồng/hồ sơ và theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quyết định nội dung chi, mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định Điều 4 nêu trên.

Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội có tính chất phức tạp, nhiều

đối tượng vi phạm, vi phạm thuộc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước trong một hồ sơ vụ việc cần được kiểm tra, đối chiếu, thẩm định để đánh giá trước khi trình người có thẩm quyền quyết định. Do vậy, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng theo mức tối đa (vượt 20%) theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính số tiền là 600.000 đồng/01 hồ sơ.

3.4. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện

Dự kiến với mức chi nêu trên và số hồ sơ có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức hàng năm khoảng 6.550 hồ sơ; kinh phí dự kiến thực hiện khoảng: 3.930 triệu đồng (Trong đó: Cấp thành phố: 1.140 triệu đồng ; Cấp huyện: 1.380 triệu đồng ; Cấp xã : 1.410 triệu đồng).

3.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2452/TTrLS:TP-STC ngày 23 tháng 10 năm 2017 của liên Sở: Tư pháp - Tài chính và Công văn số 2542/STP-XLVPHC&THPL ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Sở Tư pháp)

4. Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội

4.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Trên cơ sở Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập; Ủy ban nhân dân Thành phố đã trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2011 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (thay thế Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính); trong đó, tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 14 quy định:

“2. Mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương lập dự toán chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương quy định các mức chi cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp.”

Vì vậy, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, phê duyệt Nghị quyết quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội là cần thiết.

4.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

- Quy định này quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội.

- Các nội dung khác về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và các quy định khác có liên quan.

b. Đối tượng áp dụng

- *Đối với chế độ công tác phí*

+ Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

- *Đối với chế độ chi hội nghị:*

+ Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

+ Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

+ Riêng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

4.3. Đề xuất cụ thể

Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 7 năm 2010 tại thời điểm mức lương cơ sở là 730.000 đồng. Thông tư 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 4 năm 2017 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2017 tại thời điểm mức lương cơ sở là 1.300.000 đồng, tăng 78% so với mức lương cơ sở năm 2010. Ngoài ra, theo số liệu của Tổng cục thống kê, trong giai đoạn 2010-2016, ngoại trừ năm 2015 Thủ đô Hà Nội đứng thứ 2 cả nước về chi phí sinh hoạt, trong các năm còn lại, Thủ đô Hà Nội là địa phương có chi phí sinh hoạt cao nhất cả nước.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các đơn vị, qua thực tế triển khai trong giai đoạn vừa qua, về cơ bản các đơn vị đều đề xuất được áp dụng theo mức chi tối đa quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính trong giai đoạn tới để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay.

Vì vậy, để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, giá cả thị trường và khả năng cân đối ngân sách; Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành mức chi công tác phí, chi hội nghị theo nguyên tắc sau:

(1) Đối với những nội dung chi tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định mức chi thanh toán theo hóa đơn thực tế: đề xuất thực hiện theo quy định của Thông tư.

(2) Đối với những nội dung chi tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định mức chi tối đa: đề xuất áp dụng mức chi tối đa theo quy định của Thông tư.

4.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được đảm bảo từ các nguồn:

- Nguồn ngân sách nhà nước: chi chế độ công tác phí, chi chế độ hội nghị của cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định.

- Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí; nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

b. Kinh phí dự kiến thực hiện mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội

- Trên cơ sở số liệu kinh phí ngân sách thực hiện chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của thành phố Hà Nội năm 2016 là 572.162 triệu đồng. Dự kiến với mức chi nêu trên, tổng kinh phí ngân sách để thực hiện chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị hàng năm khoảng: 766.981 triệu đồng (Ngân sách Thành phố: 217.669 triệu đồng; ngân sách quận, huyện, thị xã: 313.817 triệu đồng; Ngân sách xã, phường, thị trấn: 235.495 triệu đồng).

4.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

(Chi tiết tại Tờ trình số 6751/TTr-STC ngày 20 tháng 10 năm 2017 và Tờ trình số 7065/TTr-STC ngày 01/11/2017 của Sở Tài chính)

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đồng chí PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở: TC, LĐTBXH, TP, YT;
- VPUB: CVP, PCVP N.N.Kỳ, P.C.Công, T.V.Dũng, KGVX, KT, TKBT, TH;
- Lưu: VT, KT.

46702

(50)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung



Số: /2017/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền
của Hội đồng nhân dân Thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XV - KỲ HỌP THỨ 5**

(Từ ngày / /2017 đến ngày / /2017)

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;
Căn cứ Nghị định 163/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;
Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;
Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Bộ Y tế quy định việc thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phong, tâm thần của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2017 của Ban Kinh tế và Ngân sách; Báo cáo giải trình, tiếp thu số /BC-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

1. Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo*).

2. Quy định mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương (*Chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo*).

3. Quy định nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 03 kèm theo*).

4. Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục số 04 kèm theo*).

Điều 2.

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XIII kỳ họp thứ 22 về việc quy định mức công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội.

Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người mù có hoàn cảnh khó khăn, người bị bệnh phong và người dân thuộc chương trình 135 thành phố Hà Nội; Quyết định

số 6827/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn thành phố Hà Nội hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện các quy định của Nghị quyết.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày tháng năm 2017 và có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2018.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB của UBTWQH;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính; LĐTBXH, Y tế;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Thành ủy, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Bích Ngọc

PHỤ LỤC 02

Quy định mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương

*(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương.

2. Đối tượng áp dụng: Bệnh nhân tâm thần được khám chữa bệnh tại bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương.

3. Quy định mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Ban ngày Mai Hương: danh mục mức chi cụ thể theo Phụ biểu chi tiết đính kèm.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách Thành phố đảm bảo.

**MỨC CHI TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ THỰC HIỆN KHÁM, CHỮA BỆNH VÀ CHĂM SÓC
NGƯỜI BỆNH TÂM THẦN TẠI BỆNH VIỆN TÂM THẦN BAN NGÀY MAI HƯƠNG**
(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính : đồng

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh đơn vị đề xuất							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
1	F00	Mất trí trong bệnh Alzheimer	60	847.000	42.000	470.000	2.067.150	200.000	754.800	4.380.950
2	F01	Mất trí trong bệnh mạch máu	60	847.000	42.000	470.000	1.900.910	200.000	754.800	4.214.710
3	F02	Mất trí trong các bệnh lý khác	60	847.000	42.000	470.000	2.068.920	200.000	754.800	4.382.720
4	F03	Mất trí không biệt định	60	847.000	42.000	470.000	1.590.950	200.000	754.800	3.904.750
5	F04	Hội chứng quên thực tồn	60	847.000	42.000	464.000	2.073.640	200.000	754.800	4.381.440
6	F05	Sảng không do rượu và các chất tác động tâm thần khác	60	847.000	42.000	464.000	2.063.920	200.000	754.800	4.371.720
7	F06	Rối loạn tâm thần khác do tổn thương não	60	847.000	42.000	464.000	2.016.040	200.000	754.800	4.323.840
8	F07	Các rối loạn hành vi và nhân cách do bệnh lý não tổn thương não và các rối loạn chức năng não	60	847.000	42.000	504.000	2.071.120	200.000	754.800	4.418.920
9	F09	Rối loạn tâm thần triệu chứng hoặc thực tồn	60	847.000	42.000	470.000	2.090.560	200.000	754.800	4.404.360
10	F10	Rối loạn tâm thần do sử dụng rượu	60	847.000	42.000	490.000	1.524.200	200.000	754.800	3.858.000
11	F11	Rối loạn tâm thần do sử dụng ma túy	60	1.327.000	42.000	524.000	1.587.240	200.000	754.800	4.435.040
12	F12	Rối loạn tâm thần do sử dụng cần sa	45	1.167.000	42.000	464.000	1.978.440	200.000	566.100	4.417.540

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh đơn vị đề xuất							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
13	F13	Rối loạn tâm thần do sử dụng thuốc an dũ hoặc thuốc ngủ	45	1.007.000	42.000	464.000	2.661.630	200.000	566.100	4.940.730
14	F14	Rối loạn tâm thần do sử dụng cocain	45	1.007.000	42.000	470.000	1.908.665	200.000	566.100	4.193.765
15	F15	Rối loạn tâm thần do sử dụng các chất kích thích khác bao gồm cafein	45	1.007.000		470.000	1.872.840	200.000	566.100	4.115.940
16	F16	Rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây ảo giác	45	1.167.000		470.000	1.767.090	200.000	566.100	4.170.190
17	F17	Rối loạn tâm thần do sử dụng thuốc lá	45	887.000	42.000	470.000	2.081.700	200.000	566.100	4.246.800
18	F18	Rối loạn tâm thần do sử dụng các dung môi dễ bay hơi	45	1.007.000	42.000	470.000	1.800.440	200.000	566.100	4.085.540
19	F19	Rối loạn tâm thần do sử dụng nhiều loại ma túy	60	1.232.000	42.000	470.000	1.686.960	200.000	754.800	4.385.760
20	F20.0	Tâm thần phân liệt thể hoang tưởng	60	797.000	42.000	510.000	3.446.580	200.000	754.800	5.750.380
21	F20.1	Tâm thần phân liệt thể thanh xuân	60	797.000	42.000	510.000	3.450.300	200.000	754.800	5.754.100
22	F20.2	Tâm thần phân liệt thể căng trương lực	60	797.000	42.000	510.000	3.445.260	200.000	754.800	5.749.060
23	F20.3	Tâm thần phân liệt thể không biệt định	90	797.000	42.000	510.000	2.962.830	300.000	1.132.200	5.744.030
24	F20.4	Tâm thần phân liệt thể trầm cảm	90	797.000	42.000	670.000	2.751.960	300.000	1.132.200	5.693.160
25	F20.5	Tâm thần phân liệt thể di chứng	90	849.000	42.000	510.000	2.953.380	300.000	1.132.200	5.786.580
26	F20.6	Tâm thần phân liệt thể đơn thuần	90	797.000	42.000	510.000	2.974.980	300.000	1.132.200	5.756.180
27	F20.9	Tâm thần phân liệt không đặc hiệu	60	797.000	42.000	510.000	3.361.620	200.000	754.800	5.665.420
28	F21	Rối loạn dạng phân liệt	60	797.000	42.000	510.000	3.574.740	200.000	754.800	5.878.540

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh đơn vị đề xuất							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
29	F22	Rối loạn hoang tưởng dai dẳng	90	797.000	42.000	470.000	3.396.480	200.000	1.132.200	6.037.680
30	F23	Rối loạn thần cấp	60	957.000	42.000	470.000	3.503.460	200.000	754.800	5.927.260
31	F24	Rối loạn hoang tưởng cảm ứng	60	797.000	42.000	590.000	3.437.120	200.000	754.800	5.820.920
32	F25	Rối loạn phân liệt cảm xúc	90	797.000	42.000	590.000	3.266.700	200.000	1.132.200	6.027.900
33	F28	Các rối loạn loạn thần không thực tổn khác	60	797.000	42.000	590.000	3.461.120	200.000	754.800	5.844.920
34	F29	Bệnh loạn thần không thực tổn không biệt định	60	797.000	42.000	590.000	3.231.440	200.000	754.800	5.615.240
35	F30	Giai đoạn hưng cảm	60	957.000	42.000	590.000	3.430.040	200.000	754.800	5.973.840
36	F31	Rối loạn cảm xúc lưỡng cực	90	797.000	42.000	585.000	3.005.590	200.000	1.132.200	5.761.790
37	F32	Giai đoạn trầm cảm	60	957.000	42.000	430.000	5.091.720	200.000	754.800	7.475.520
38	F33	Trầm cảm tái diễn	90	797.000	42.000	585.000	4.422.870	200.000	1.132.200	7.179.070
39	F34	Các trạng thái loạn khí sắc dai dẳng	60	797.000	42.000	430.000	4.666.680	340.000	754.800	7.030.480
40	F38	Các rối loạn khí sắc khác	60	797.000	42.000	470.000	4.750.320	200.000	754.800	7.014.120
41	F39	Rối loạn khí sắc không biệt định	60	797.000	42.000	470.000	4.824.900	200.000	754.800	7.088.700
42	F40	Các rối loạn lo âu ám ảnh sợ	90	797.000	42.000	310.000	2.795.780	340.000	1.132.200	5.416.980
43	F41	Các rối loạn lo âu khác	90	797.000	42.000	525.000	2.331.135	340.000	1.132.200	5.167.335
44	F42	Rối loạn ám ảnh nghi thức	60	797.000	42.000	450.000	2.872.320	340.000	754.800	5.256.120

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh đơn vị đề xuất							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
45	F43	Phản ứng với Stress	60	797.000	42.000	470.000	2.647.860	340.000	754.800	5.051.660
46	F44	Co giật phân li	60	797.000	42.000	400.000	2.794.080	340.000	754.800	5.127.880
47	F45	Các rối loạn dạng cơ thể	90	797.000	42.000	565.000	2.139.110	340.000	1.132.200	5.015.310
48	F48	Các rối loạn tâm căn khác	60	797.000	42.000	470.000	2.457.300	340.000	754.800	4.861.100
49	F50	Rối loạn ăn uống	60	797.000	42.000	470.000	2.221.800	340.000	754.800	4.625.600
50	F51	Mất ngủ không thực tồn	90	797.000	42.000	505.000	1.850.960	510.000	1.132.200	4.837.160
51	F52	Loạn chức năng tình dục không do các rối loạn hoặc bệnh thực tồn	40	797.000	42.000	470.000	2.084.360	340.000	503.200	4.236.560
52	F53	Các rối loạn tâm thần hành vi kết hợp với thời kỳ sinh đẻ	60	797.000	42.000	470.000	1.894.920	340.000	754.800	4.298.720
53	F55	Lạm dụng các chất không gây nghiện	60	1.007.000	42.000	430.000	1.895.610	340.000	754.800	4.469.410
54	F60	Rối loạn nhân cách đặc hiệu	45	797.000	42.000	470.000	2.219.880	340.000	754.800	4.623.680
55	F61	Các rối loạn nhân cách hỗn hợp và rối loạn nhân cách khác	40	797.000	42.000	470.000	2.486.300	340.000	503.200	4.638.500
56	F62	Các biến đổi nhân cách lâu dài không thể gán cho một tổn thương não hoặc bệnh não	45	797.000	42.000	470.000	2.509.560	340.000	566.100	4.724.660
57	F63	Các rối loạn thói quen và xung đột	60	797.000	42.000	510.000	2.340.540	340.000	754.800	4.784.340
58	F64	Rối loạn về phân định giới tính	45	879.000	42.000	470.000	2.435.580	340.000	566.100	4.732.680
59	F65	Các rối loạn về ưa chuộng giới tính	40	797.000	42.000	470.000	2.414.790	340.000	503.200	4.566.990

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh đơn vị đề xuất							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
60	F66	Các rối loạn hành vi và tâm lý kết hợp với sự phát triển và định hướng giới tính	45	797.000	42.000	470.000	2.517.795	340.000	566.100	4.732.895
61	F68	Các rối loạn về hành vi và nhân cách ở người thành niên	40	797.000	42.000	510.000	2.444.230	340.000	503.200	4.636.430
62	F69	Các rối loạn không phân định về hành vi và nhân cách ở người thành niên	40	797.000	42.000	510.000	2.444.630	340.000	503.200	4.636.830
63	F70	Chậm phát triển tâm thần nhẹ	40	797.000	42.000	190.000	2.632.040	340.000	503.200	4.504.240
64	F73	Chậm phát triển tâm thần trầm trọng	90	797.000	42.000	380.000	1.881.220	340.000	1.132.200	4.572.420
65	F78	Chậm phát triển tâm thần khác	90	797.000	42.000	520.000	1.787.440	340.000	1.132.200	4.618.640
66	F79	Chậm phát triển tâm thần không biệt định	60	797.000	42.000	380.000	2.478.420	340.000	754.800	4.792.220
67	F80	Rối loạn đặc hiệu về phát triển lời nói và ngôn ngữ	120	1.005.000	42.000	445.000	990.660	680.000	1.509.600	4.672.260
68	F81	Rối loạn đặc hiệu về phát triển các kỹ năng ở nhà trường	120	1.005.000	42.000	445.000	1.020.540	680.000	1.509.600	4.702.140
69	F82	Rối loạn đặc hiệu về phát triển các chức năng vận động	120	1.005.000	42.000	445.000	1.040.700	680.000	1.509.600	4.722.300
70	F83	Rối loạn đặc hiệu hỗn hợp và đặc hiệu phát triển	120	1.005.000	42.000	445.000	859.620	680.000	1.509.600	4.541.220
71	F84	Rối loạn phát triển lan tỏa	120	1.005.000	42.000	445.000	910.020	680.000	1.509.600	4.591.620
72	F85	Rối loạn khác của phát triển tâm lý	120	1.005.000	42.000	445.000	559.620	680.000	1.509.600	4.241.220
73	F89	Các rối loạn không đặc hiệu của phát triển tâm lý	120	1.005.000	42.000	445.000	910.020	680.000	1.509.600	4.591.620
74	F90	Rối loạn tăng động	120	1.005.000	42.000	570.000	1.593.420	680.000	1.509.600	5.400.020
75	F91	Rối loạn hành vi	120	1.005.000	42.000	570.000	1.623.600	680.000	1.509.600	5.430.200

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh đơn vị đề xuất							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
76	F92	Các rối loạn hành vi hỗn hợp cảm xúc	120	1.173.000	42.000	570.000	1.680.300	680.000	1.509.600	5.654.900
77	F93	Rối loạn cảm xúc với sự khởi phát đặc biệt ở trẻ em	120	1.005.000	42.000	570.000	1.626.180	680.000	1.509.600	5.432.780
78	F94	Rối loạn hoạt động xã hội với sự khởi phát đặc biệt ở trẻ em	120	1.005.000	42.000	570.000	1.817.700	680.000	1.509.600	5.624.300
79	F95	Rối loạn TIC	120	1.005.000	42.000	570.000	1.591.560	680.000	1.509.600	5.398.160
80	F98	Rối loạn cảm xúc hành vi khác khởi phát ở tuổi trẻ em	120	1.005.000	42.000	570.000	1.536.120	680.000	1.509.600	5.342.720
81	F99	Rối loạn tâm thần không biệt định cách khác	60	797.000	42.000	395.000	2.586.520	680.000	754.800	5.255.320
82	G40	Động kinh	90	797.000	42.000	495.000	1.712.250	510.000	1.132.200	4.688.450

PHỤ LỤC 03

Quy định nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi cho công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng ảnh hưởng đến nhiều đối tượng tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Các nội dung chi khác không quy định tại Phụ lục này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 1, Khoản 17 Điều 3, Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính bao gồm: cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn Thành phố.

3. Quy định nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội

Mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng: 600.000 đồng/hồ sơ.

4. Nguồn kinh phí thực hiện:

Kinh phí thực hiện chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

PHỤ LỤC 04

Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Phạm vi điều chỉnh:

- Quy định này quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội.

- Các nội dung khác về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 và các quy định khác có liên quan.

II. Đối tượng áp dụng:

1. Đối với chế độ công tác phí

- Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2. Đối với chế độ chi hội nghị:

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Riêng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

III. Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội:

1. Về mức chi công tác phí:

1.1. Thanh toán tiền chi phí đi lại

a. Thanh toán theo hóa đơn thực tế:

a.1. Người đi công tác được thanh toán tiền chi phí đi lại bao gồm:

- Chi phí chiều đi và về từ nhà hoặc cơ quan đến sân bay, ga tàu, bến xe; vé máy bay, vé tàu, xe vận tải công cộng đến nơi công tác và theo chiều ngược lại.

- Chi phí đi lại tại địa phương nơi đến công tác: Từ chỗ nghỉ đến chỗ làm việc, từ sân bay, ga tàu, bến xe về nơi nghỉ (lượt đi và lượt về).

- Cước, phí di chuyển bằng phương tiện đường bộ, đường thủy, đường biển cho bản thân và phương tiện của người đi công tác.

- Cước tài liệu, thiết bị, dụng cụ, đạo cụ (nếu có) phục vụ trực tiếp cho chuyến đi công tác mà người đi công tác đã chi trả.

- Cước hành lý của người đi công tác bằng phương tiện máy bay trong trường hợp giá vé không bao gồm cước hành lý mang theo.

Trường hợp cơ quan, đơn vị nơi cử người đi công tác và cơ quan, đơn vị nơi đến công tác đã bố trí phương tiện vận chuyển thì người đi công tác không được thanh toán các khoản chi phí này.

a.2. Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, căn cứ tính chất công việc của chuyến đi công tác và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao; thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét duyệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được đi công tác bằng phương tiện máy bay, tàu hỏa, xe ô tô hoặc phương tiện công cộng hoặc các phương tiện khác bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

a.3. Quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước:

- Lãnh đạo cấp cao (Bí thư Thành ủy): Thực hiện theo quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cao cấp.

- Hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class) dành cho đối tượng: Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND Thành phố; Chủ tịch UBND Thành phố.

- Hạng ghế thường: Dành cho các đối tượng còn lại.

a.4. Đối với những vùng không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà người đi công tác phải thuê phương tiện vận tải khác thì thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét quyết định cho thanh toán tiền thuê phương tiện mà người đi công tác đã thuê trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó cho phù hợp).

a.5. Mức thanh toán: Theo giá ghi trên vé, hoá đơn, chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật, hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện; giá vé không bao gồm các chi phí dịch vụ khác như: Tham quan du lịch, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu.

Riêng trường hợp vé máy bay không bao gồm cước hành lý thì người đi công tác được thanh toán cước hành lý theo đơn giá cước hành lý của chuyến đi

và khối lượng hành lý được thanh toán tối đa bằng khối lượng hành lý được mang theo của loại vé thông thường khác (là vé đã bao gồm cước hành lý mang theo).

b. Thanh toán khoản kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoản tiền tự túc phương tiện đi công tác:

b.1. Đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tự nguyện đăng ký thực hiện khoản kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác: Mức thanh toán khoản kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và quy định của Thành phố.

b.2. Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

1.2. Phụ cấp lưu trú

a. Mức phụ cấp lưu trú để trả cho người đi công tác: 200.000 đồng/người/ngày.

Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày) thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.

b. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 250.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ chi bồi dưỡng khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.

1.3. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

a. *Đối với chức danh lãnh đạo cấp cao là Bí Thư Thành ủy:* thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước về tiêu chuẩn dành cho lãnh đạo cấp cao.

b. Thanh toán theo hình thức khoán:

b.1. Mức khoán: 1.000.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác dành cho các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp 1,25 trở lên, gồm: Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND Thành phố; Chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy.

b.2. Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

- Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh, mức khoán: 450.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh, mức khoán: 350.000 đồng/ngày/người.

- Đi công tác tại các vùng còn lại, mức khoán: 300.000 đồng/ngày/người.

c. Thanh toán theo hoá đơn thực tế:

Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại Khoản b mục này thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng như sau:

c.1. Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ: 2.500.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng, không phân biệt nơi đến công tác dành cho các đối tượng: Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố; Chủ tịch UBND Thành phố.

c.2. Đi công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh:

- Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng dành cho các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3: Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

- Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng dành cho các đối tượng còn lại.

c.3. Đi công tác tại các vùng còn lại:

- Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/phòng dành cho các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3: Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

- Được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng dành cho các đối tượng còn lại.

c.4. Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẽ người hoặc lẽ người khác giới, thì được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng).

c.5. Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có

tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn 1 người/phòng, thì người đi công tác được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng Standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

d. Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hỏa, ô tô) từ 18h đến 24h cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) bằng 50% mức thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoản tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác.

1.4. Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng

a. Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác); thì tùy theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

b. Các đối tượng được hưởng khoán tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Quy định này; đồng thời vẫn được hưởng khoản tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.

1.5. Đi công tác theo đoàn công tác phối hợp liên ngành, liên cơ quan

a. Trường hợp cơ quan, đơn vị có nhu cầu trung tập cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan, đơn vị khác đi phối hợp công tác liên ngành nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị đó; trung tập tham gia các đề tài nghiên cứu cơ bản thì cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí cho đoàn công tác gồm: Tiền chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác theo mức chi quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì.

b. Trường hợp đi công tác theo đoàn phối hợp liên ngành, liên cơ quan do thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên triệu tập trung dụng hoặc phối hợp để cùng thực hiện các phần việc thuộc nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị thì cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại cho người đi công tác trong đoàn. Trường hợp các cá nhân thuộc thành phần đoàn công tác không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác thì cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán tiền chi phí đi lại cho người đi công tác.

Ngoài ra, cơ quan, đơn vị cử người đi công tác có trách nhiệm thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác.

c. Văn bản trung tập (giấy mời, công văn mời) cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị khác đi công tác phải ghi rõ trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí cho chuyến đi công tác của mỗi cơ quan, đơn vị.

2. Về mức chi hội nghị:

2.1. Nội dung chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC, cụ thể:

(1) Chi thuê hội trường trong những ngày tổ chức hội nghị (trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có địa điểm phải thuê hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu tham dự); thuê máy chiếu, trang thiết bị, phòng họp trực tiếp phục vụ hội nghị.

(2) Chi tiền văn phòng phẩm phục vụ hội nghị; tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị.

(3) Chi thù lao và các khoản công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên đối với hội nghị tập huấn nghiệp vụ, các lớp phổ biến, quán triệt triển khai cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; chi bồi dưỡng người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị.

(4) Tiền thuê phương tiện đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu.

(5) Chi giải khát giữa giờ.

(6) Chi hỗ trợ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền phương tiện đi lại.

(7) Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung, cơ quan, đơn vị tổ chức hội nghị được chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các doanh nghiệp.

2.2. Mức chi tổ chức hội nghị

a. Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và quy định của thành phố Hà Nội.

b. Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.

c. Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý VÀ GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN

Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
A	Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội			
I	Thông nhất với Dự thảo		Bảo hiểm xã hội	
II	Góp ý trực tiếp vào dự thảo			
1		Đề xuất hỗ trợ 100% kinh phí cho đối tượng từ đủ 70 tuổi đến dưới 80 tuổi tham gia mua 01 thẻ BHYT	Bảo hiểm xã hội	Luật Bảo hiểm y tế và Luật người cao tuổi không quy định việc hỗ trợ mức đóng BHYT cho người từ đủ 70 tuổi đến dưới 80 tuổi. Do đó, chưa đủ cơ sở pháp lý để trình Thành phố hỗ trợ mức đóng BHYT cho nhóm đối tượng này. Để có cơ sở trình Thành phố ban hành chính sách đặc thù: bổ sung nhóm đối tượng từ đủ 70 tuổi đến dưới 80 tuổi và hỗ trợ kinh phí mua thẻ BHYT cho họ thì cần phải phân tích đối tượng, phương án hỗ trợ cụ thể, đánh giá tác động của chính sách và xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan... Vì vậy chính sách hỗ trợ mức đóng BHYT cho người từ đủ 70 tuổi đến dưới 80 tuổi cần được xây dựng thành Tờ trình riêng (nếu được Thành phố đồng ý về chủ trương).
2		Đề xuất hỗ trợ 50% mức đóng BHYT cho đối tượng thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình.	Bảo hiểm xã hội	Ngày 03/7/2017 UBND Thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4055/QĐ-UBND về việc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình lâm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trong đó quy định mức hỗ trợ là 30%. Quyết định này được ban hành trên cơ sở Tờ trình số 1243/TT-UBND:YT-LĐTBXH-TC-BHXH của liên ngành: Y tế - Lao động Thương binh và xã hội - Tài chính và Bảo hiểm xã hội Thành phố. Do đó cần có thời gian để triển khai thực hiện chính sách, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất sửa đổi chính sách cho phù hợp (nếu cần thiết)
B	Quy định nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội			
I	Sở Tư pháp đã gửi công văn lấy ý kiến của 45 đơn vị, trong đó 15 sở, ngành và 30 quận huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội. Kết quả, hầu hết các đơn vị được lấy ý kiến đã gửi ý kiến góp ý về Sở Tư pháp. Về cơ bản thống nhất với nội dung và sự cần thiết ban hành văn bản.			
II	Góp ý trực tiếp vào dự thảo			
1		Sửa kỳ họp thứ 4 thành kỳ họp thứ 5	UBND quận Tây Hồ	
		- Khoản 3 Điều 2 dự thảo Nghị quyết sửa đổi thành "Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Kiểm tra và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.	Sở Công thương	Sở Tư pháp tiếp thu và đã sửa thành "Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính"
		Kiểm tra và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ cho những người làm công tác theo dõi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.... Tại mục 5 của Dự thảo	Sở Xây dựng	Sở Tư pháp giữ nguyên. Lý do: Mức chi cho các nội dung hệ thống hóa, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc... đang được thực hiện theo các Nghị quyết của HĐND thành phố hiện đang có hiệu lực. Do vậy, đối với công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính cũng được áp dụng mức chi như đối với công việc tương tự khác là phù hợp.

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
		Bổ sung nội dung chi theo số “ <i>hồ sơ cần điều tra</i> ”(số tiền/hồ sơ)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tư pháp giữ nguyên. Lí do: HĐND thành phố chỉ có thẩm quyền quy định nội dung chi, mức chi không vượt quá quy định tại Điều 3, Điều 4, Thông tư số 19/2017/TT-BTC. Nội dung chi “theo số hồ sơ cần điều tra” không được quy định trong Điều 3, Điều 4, Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính. Do vậy HĐND thành phố không có thẩm quyền quy định thêm.
		Cần chỉ rõ đối tượng được chi hỗ trợ	UBND huyện Mỹ Đức	Sở Tư pháp giữ nguyên. Lí do: Đối tượng chi hỗ trợ đã được quy định tại rõ Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 là “ <i>Cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp</i> ”, do vậy Nghị quyết không cần thiết quy định lại.
		Quy định rõ nội dung chi về quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính như: chi cho công tác lập hồ sơ, xác minh hành vi vi phạm hành chính, thuê kho bãi đối với tang vật vi phạm hành chính, chi cho công tác tổ chức cưỡng chế hành vi vi phạm hành chính theo định kỳ	UBND quận Nam Từ Liêm	Sở Tư pháp giữ nguyên. Lí do: HĐND thành phố chỉ có thẩm quyền quy định nội dung chi, mức chi không vượt quá quy định tại Điều 3, Điều 4, Thông tư số 19/2017/TT-BTC. Nội dung chi: “ công tác lập hồ sơ, xác minh hành vi vi phạm hành chính, thuê kho bãi đối với tang vật vi phạm hành chính, chi cho công tác tổ chức cưỡng chế hành vi vi phạm hành chính theo định kỳ” không được quy định trong Điều 3, Điều 4, Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính. Do vậy HĐND thành phố không có thẩm quyền quy định thêm.
C	Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội			
I	Tổng nhất nội dung Dự thảo		UBND huyện Mê Linh	
			Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP	
			Thị xã Sơn Tây	
			Trường Cao đẳng Nghệ thuật	
			Sở Tài nguyên và Môi trường	
			UBND quận Cầu Giấy	
			UBND quận Ba Đình	
			UBND huyện Ba Vì	
			UBND huyện Thanh tri	
			UBND quận Nam Từ Liêm	
			UBND quận Tây Hồ	
			Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	
			UBND thị xã Sơn Tây	
			UBND quận Hai Bà Trưng	
			Sở Du lịch	
			UBND huyện Thường tín	
			Sở Ngoại vụ	
			Hội Luật Gia Thành phố	
II	Góp ý trực tiếp nội dung Dự thảo			
1	Tên Nghị quyết			

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
		Tên gọi của dự thảo Nghị quyết là "về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố". Tuy nhiên, nội dung Điều 1, tên gọi của Phụ lục, nội dung phạm vi điều chỉnh được quy định tại phần Phụ lục và tên gọi của Tờ trình lại là: Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa. Ngoài ra, Sở Tài chính giải trình thêm nội dung này như sau: Sở Tài chính đang soạn thảo dự thảo Nghị quyết này theo hướng là một nội dung của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. Thực tế, UBND Thành phố đã có Công văn số 4931/UBND -TH ngày 09/10/2017 về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp cuối năm 2017 của HĐND Thành phố, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về 04 cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.
2	Phần Căn cứ pháp lý			
-		Đối với các văn bản pháp lý viện dẫn, đề nghị Cơ quan soạn thảo ghi đầy đủ ngày... tháng.... năm và in nghiêng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính đã tiếp thu chỉnh sửa
-		Đề nghị cơ quan soạn thảo viết đầy đủ số, năm ban hành văn bản. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 75 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật khi viện dẫn văn bản có liên quan phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên gọi cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung quy định tại phần phụ lục để thực hiện đúng với quy định.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa.
			Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa.
3	Điều 1			
	Điều 2			
-	Khoản 1	Đề nghị cơ quan soạn thảo soạn nội dung tại như sau: <i>Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND Thành phố</i> vì Quyết định 08/2011/QĐ-UBND của UBND Thành phố ban hành ngày 26/01/2011 là đề cụ thể hóa Nghị quyết 21/2010/NQ-HĐND, không phải do UBND ban hành.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính đã tiếp thu chỉnh sửa
4	Phụ lục 01: Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với cơ quan đơn vị của thành phố Hà Nội			
4.1	Phạm vi điều chỉnh			
4.2	Đối tượng áp dụng			

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
		Mục 2. đối với chế độ hội nghị, đề nghị bổ sung đối với Hội nghị Ban chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy theo hướng dẫn số 26-HD/VPTW ngày 08/6/2017 của Văn phòng Trung ương về công tác phục vụ hội nghị ban chấp hành, ban Thường vụ Thành ủy, tỉnh ủy	Văn phòng Thành ủy	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: Về đối tượng áp dụng trong dự thảo đã quy định: " Riêng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền." Do đó, đối với những hội nghị của Ban chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.
		Mục 3. Đối với quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài chưa quy định đối với cán bộ, công chức đi theo đoàn. Do vậy đề nghị bổ sung đối tượng cho đầy đủ	Văn phòng Thành ủy	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: Dự thảo chỉ quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài hạng Thương gia, và đề xuất bổ sung các chức danh: Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Chủ tịch UBMTTQ TP và Trợ lý Ủy viên Bộ chính trị được hưởng tiêu chuẩn này. Đối với các đối tượng khác thực hiện theo quy định tại Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.
4.3	<u>Quy định mức chi cụ thể</u>			
-	Về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước, đối với hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class):	Chọn phương án 02	Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Văn hóa và Thể thao Thị xã Sơn Tây Trường Cao đẳng Nghệ thuật Sở Y tế UBND quận Nam Từ Liêm UBND huyện Quốc Oai UBND quận Tây Hồ UBND thị xã Sơn Tây Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP UBND quận Hai Bà Trưng Sở Ngoại vụ UBND huyện Thường tín Hội Luật Gia Thành phố	
-	Về thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hình thức khoán, mức khoán 1.000.000 đồng/ngày/người	Chọn phương án 02	Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Văn hóa và Thể thao Thị xã Sơn Tây Trường Cao đẳng Nghệ thuật Sở Y tế UBND thị xã Sơn Tây UBND quận Nam Từ Liêm UBND huyện Quốc Oai Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP UBND quận Tây Hồ UBND quận Hai Bà Trưng UBND huyện Thường tín Sở Ngoại vụ Hội Luật Gia Thành phố	
			Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Văn hóa và Thể thao Thị xã Sơn Tây Trường Cao đẳng Nghệ thuật	

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
-	Về thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hóa đơn thực tế, mức 1.200.000 đồng/ngày/phòng khi đi công tác tại các quận, thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh	Chọn phương án 02	Sở Y tế UBND thị xã Sơn Tây UBND quận Nam Từ Liêm UBND huyện Quốc Oai Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP UBND quận Tây Hồ UBND quận Hai Bà Trưng UBND huyện Thường tín Sở Ngoại vụ Hội Luật Gia Thành phố	
-	Về thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hóa đơn thực tế, mức 1.100.000 đồng/ngày/phòng khi đi công tác tại các vùng còn lại	Chọn phương án 02	Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Văn hóa và Thể thao Thị xã Sơn Tây Sở Y tế Trường Cao đẳng Nghệ thuật UBND quận Nam Từ Liêm UBND huyện Quốc Oai UBND thị xã Sơn Tây UBND quận Tây Hồ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP UBND quận Hai Bà Trưng UBND huyện Thường tín Sở Ngoại vụ Hội Luật Gia Thành phố	
-	Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác theo hóa đơn thực tế	Điểm c mục 1.1.3 thanh toán theo hóa đơn thực tế: Dự thảo quy định: " trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản a mục này..." tuy nhiên, "khoản a mục này" trong dự thảo quy định thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác đối với chức danh lãnh đạo cấp cao là Bí thư Thành ủy chứ không quy định thanh toán theo hình thức khoán. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa.
	Các nội dung chi khác	Nhất trí với Dự thảo	Sở Văn hóa và Thể thao Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Y tế	
4.4 Các nội dung khác				
-		Điểm a.3 dự thảo quy định "Lãnh đạo cấp cao nhà nước... thực hiện theo quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cấp cao" đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại tính chính xác số Quyết định và tên gọi của Quyết định này.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: Sở Tài chính đã nghiên cứu và dẫn chiếu đúng theo quy định của nhà nước đối với một số chế độ chính sách đối với cán bộ cấp cao được quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
-		Đối với các đối tượng là Chủ tịch UBND TP, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó chủ tịch HĐND, UBND Thành phố là lãnh đạo cấp cao của Thành phố. Do đó, việc đề xuất mức chi công tác phí như trong dự thảo để đảm bảo thống nhất chung là hợp lý. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần giải trình rõ trong tờ trình việc vận dụng mức chi công tác phí, chi hội nghị cho các đối tượng nêu trên căn cứ vào khoản 3 Điều 14 Thông tư 40/2017/TT-BTC.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa.

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
		Nội dung và mức chi hội nghị tại dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết chưa có nội dung tại Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC về các khoản chi khác: chi làm thêm giờ, mua thuốc chữa thông thường, trang trí hội trường và các khoản chi liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức hội nghị.	Sở Y tế	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: Đối với những nội dung không quy định tại Nghị quyết này sẽ thực hiện theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.
		Theo điểm b, Khoản 3 Điều 12 Thông tư 07/2014/TT-BNV quy định: "chức danh tương đương thứ trưởng, phó Trưởng ban Đảng, Phó Trưởng đoàn thể Trung ương gồm:... Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh". Như vậy không có chức danh Chủ tịch UB MTTQ Thành phố. Đề nghị Sở Tài chính xem xét lại.	UBND huyện Thường tín	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: theo quy định tại Quyết định số 128/QĐ-TW ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể quy định Chủ tịch mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội có hệ số phụ cấp 1.2 tương đương với hệ số phụ cấp của Phó Chủ tịch UBND Thành phố, Phó chủ tịch HĐND Thành phố. Do đó, Sở Tài chính đề xuất bổ sung chức danh Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Thành phố được hưởng các mức chi theo các nội dung 1,2,3,4 như trong Dự thảo đề xuất.
		Đề đảm bảo tính linh hoạt cũng như phù hợp với tình hình thực tế công tác quản lý ngân sách cho các cơ quan đơn vị, UBND huyện Thường tín đề nghị Sở Tài chính xem xét, bổ sung vào dự thảo nội dung: "Mức chi tiêu công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng không quá mức chi tối đa quy định này. Tùy vào khả năng ngân sách đơn vị được giao hàng năm, Thủ trưởng cơ quan đơn vị quyết định nội dung, mức chi cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định"	UBND huyện Thường tín	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: Để đảm bảo tính thống nhất mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội, Sở Tài chính đang dự thảo các mức chi công tác phí, chi hội nghị là mức chi theo thực tế và mức chi tối đa quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC. Mức chi này là mức chi cụ thể, không phải là mức chi tối đa.
		Đề nghị bổ sung các nội dung: chức danh ủy viên Ủy viên Bộ chính trị, Bí Thư Thành ủy ở tất cả các mục chi a.3; b.1, c.2 - gạch đầu dòng thứ nhất; c.3- gạch đầu dòng thứ nhất và mục 2. Nguyên nhân, đồng chí Trợ lý theo Quyết định bổ nhiệm là hàm Thứ trưởng Bộ Chính trị.	Văn phòng Thành ủy	Sở Tài chính tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa.
		Sỹ quan bảo vệ tiếp cận đồng chí Ủy viên Bộ chính trị, Bí Thư Thành ủy theo Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cấp cao. Nguyên nhân, Điều 4, mục 4, điểm c quy định "Sỹ quan bảo vệ tiếp cận mua vé cùng khoang với cán bộ cấp cao."	Văn phòng Thành ủy	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: đối với Sỹ quan bảo vệ tiếp cận đồng chí Ủy viên Bộ chính trị, Bí Thư Thành ủy không thuộc đối tượng áp dụng tại quy định này thì thực hiện theo quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cấp cao.
		Đề xuất các chức danh lãnh đạo được hưởng tiêu chuẩn thuê 01 người/ 01 phòng có tiện nghi đảm bảo chất lượng (phòng Superior) gồm: Phó chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND, Chủ tịch MTTQ, Ủy viên Thường vụ Thành ủy	Sở Ngoại vụ	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: nội dung thuê phòng ngủ khi đi công tác nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này do đó thực hiện theo quy định tại Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012.
5	Bổ cục dự thảo			
-		Nhất trí với Dự thảo	Sở Văn hóa và Thể thao	

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
-		Cơ quan soạn thảo nên quy định trực tiếp nội dung, mức chi công tác phí, chi hội nghị không nên đề phụ lục đính kèm như trong dự thảo để đảm bảo tính pháp lý cáo của văn bản. Đồng thời nghiên cứu Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ để bố cục lại các phần trong dự thảo, không nên chia nhỏ các mục và gạch đầu dòng quá nhiều để khi văn bản được ban hành có hiệu lực thi hành dễ thực hiện.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: '- Sở Tài chính đang soạn thảo dự thảo Nghị quyết này theo hướng là một nội dung của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. Thực tế, UBND Thành phố đã có Công văn số 4931/UBND - TH ngày 09/10/2017 về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp cuối năm 2017 của HĐND Thành phố, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về 04 cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố. Do đó, Sở Tài chính đã dự thảo quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số nội dung đặc thù khác đối với các cơ quan đơn vị thuộc thành phố Hà Nội theo hình thức phụ lục đính kèm Nghị Quyết của HĐND Thành phố. '- Sở Tài chính nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa ý kiến của Sở Tư pháp, dự thảo phần phụ lục Quy định theo mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP. '- Đối với các nội dung chi trong quy định, vì Thông tư 40/2017/TT-BTC quy định rất rõ và chi tiết mức chi tương ứng với các nội dung cụ thể. Do đó, Sở Tài chính cũng đã dự thảo quy định các mức chi tương ứng với các nội dung quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.
5	Các nội dung khác			
-		Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các cụm từ HĐND, UBND, trong dự thảo viết đầy đủ Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa.
		Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật khi viện dẫn văn bản có liên quan phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày tháng năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản, tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung quy định tại phần phụ lục để thực hiện đúng với quy định.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa.

BÁO CÁO TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP

Dự thảo Nghị quyết về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
I	Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội		
1	Về hiệu lực thi hành của Nghị quyết	Theo quy định tại Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có hiệu lực không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành. Đồng thời quy định (tại Điều 74 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì hiệu lực thi hành của văn bản phải được xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực của văn bản. Do vậy đề nghị cơ quan soạn thảo xác định cụ thể, ngày, tháng, năm có hiệu lực của dự thảo Nghị quyết	Sở Lao động Thương binh và Xã hội tiếp thu và đã chỉnh sửa.
2	Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản	Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa dự thảo văn bản theo đúng quy định của nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (lưu ý trình bày số, ký hiệu của Nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật, cách trình bày tên Điều)	Sở Lao động Thương binh và Xã hội tiếp thu và đã chỉnh sửa.
II	Quy định mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương.		
1	Đối tượng phạm vi điều chỉnh	Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể đối tượng áp dụng Nghị quyết này gồm những tổ chức, cá nhân nào	Sở Y tế tiếp thu và đã chỉnh sửa về đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh.
2	Về tính hợp hiến và hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo	Đề nghị cơ quan soạn thảo lược bỏ các văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật tại phần căn cứ pháp lý (Gồm Quyết định số 1387/QĐ-TTg; Công văn số 1131/BYT-KH-TC; Công văn 1510/KCB-NV)	Sở Y tế tiếp thu và đã chỉnh sửa.
		Về mức chi đối với bệnh rối loạn cảm xúc lưỡng cực đang cao hơn so với quy định tại Thông tư 36/2016/TT-BTC	Sở Y tế tiếp thu và đã chỉnh sửa. Đây là lỗi do sai sót khi soạn thảo văn bản.
		Đề nghị Sở Y tế khẩn trương trình Chủ tịch UBND TP văn bản quyết định giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh tâm thần đối với bệnh viện Mai Hương để có cơ sở thực hiện Nghị quyết.	Sở Y tế đã có Công văn số 3660/TT-NVY ngày 28/9/2017 gửi UBND về việc dự thảo Quyết định giao nhiệm vụ KCB chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần tại cơ sở KCB, chuyên khoa phong, tâm thần trên địa bàn TP HN
3	Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản	Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa dự thảo theo đúng quy định của Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 lưu ý các trình bày tên Nghị quyết, căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết, bổ cục lại Điều 1 dự thảo	Sở Y tế tiếp thu và đã chỉnh sửa
III	Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội.		

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
1	Tên gọi dự thảo	Tên gọi của dự thảo Nghị quyết là "về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố". Tuy nhiên, nội dung Điều 1, tên gọi của Phụ lục, nội dung phạm vi điều chỉnh được quy định tại phần Phụ lục và tên gọi của Tờ trình lại là: Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội	Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa. Ngoài ra, Sở Tài chính giải trình thêm nội dung này như sau: Sở Tài chính đang soạn thảo dự thảo Nghị quyết này theo hướng là một nội dung của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. Thực tế, UBND Thành phố đã có Công văn số 4931/UBND -TH ngày 09/10/2017 về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp cuối năm 2017 của HĐND Thành phố, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về 04 cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố.
2	Phần Phụ lục		
2.1	Đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo không nên quy định riêng đối với tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài, những đối tượng dự thảo liệt kê là những cán bộ của Thành phố. Mục 1 quy định áp dụng chế độ công tác phí đã bao gồm cán bộ, công chức, viên chức... do đó, nên quy định ngắn gọn đối tượng áp dụng chế độ công tác phí.	Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa.
2.2	Về mức chi công tác phí		
-		Điểm a.3 dự thảo quy định "Lãnh đạo cấp cao nhà nước... thực hiện theo quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cấp cao" đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại tính chính xác số Quyết định và tên gọi của Quyết định này.	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: Sở Tài chính đã nghiên cứu và dẫn chiếu đúng theo quy định của nhà nước đối với một số chế độ chính sách đối với cán bộ cấp cao được quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
-		Đối với các đối tượng là Chủ tịch UBNDTTQ, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó chủ tịch HĐND, UBND Thành phố là lãnh đạo cấp cao của Thành phố. Do đó, việc đề xuất mức chi công tác phí như trong dự thảo để đảm bảo thống nhất chung là hợp lý. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần giải trình rõ trong tờ trình việc vận dụng mức chi công tác phí, chi hội nghị cho các đối tượng nêu trên căn cứ vào khoản 3 Điều 14 Thông tư 40/2017/TT-BTC.	Sở Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa
		Điểm c mục 1.1.3 thanh toán theo hóa đơn thực tế: Dự thảo quy định: " trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản a mục này..." tuy nhiên, "khoản a mục này" trong dự thảo quy định thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác đối với chức danh lãnh đạo cấp cao là Bí thư Thành ủy chứ không quy định thanh toán theo hình thức khoán. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại.	Sở Tài chính đã tiếp thu, chỉnh sửa

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
		Điểm b.1: dự thảo quy định "đối với chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng ô tô khi đi công tác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí... và Quyết định 1215/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND Thành phố..." Tuy nhiên, Quyết định 1215/QĐ-UBND là Quyết định cá biệt thì điểm không mang tính chất ổn định lâu dài. Để đảm bảo tính ổn định, lâu dài của Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo nên dẫn chiếu chung chung là thực hiện theo Quyết định của UBND Thành phố về việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại cơ quan đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.	Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa.
		Tương tự điểm b.1, tại điểm a mục 1.1.2 mức chi tổ chức hội nghị, cơ quan soạn thảo xem xét việc viện dẫn tới Quyết định 18/2012/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND Thành phố.	Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa.
2.3	Quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài đối với hạng ghế thương gia	Cơ quan soạn thảo nên gộp nội dung này vào điểm a.3 mục 1.1 quy định mức chi công tác phí và nghiên cứu tên gọi chung của điểm a.3 khi quy định gộp tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong và ngoài nước.	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: Vì nội dung quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài hạng ghế thương gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư 40/2017/TT-BTC, do đó, Sở Tài chính tách riêng để làm rõ hai nội dung này.
2.4	Kỹ Thuật trình bày văn bản		
	Căn cứ pháp lý	Đề nghị cơ quan soạn thảo viết đầy đủ số, năm ban hành văn bản.	Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa.
		Liệt kê các căn cứ pháp lý: đề nghị cơ quan soạn thảo sắp xếp lại các căn cứ liên quan đến Luật Ngân sách nhà nước trước sau đó đến các căn cứ khác. Cụ thể: Luật ngân sách nhà nước, Nghị định 163/2016/NĐ-CP, Thông tư 342/2016/TT-BTC...	Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa.
		Theo quy định tại Khoản 1, Điều 75 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật khi viện dẫn văn bản có liên quan phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên gọi cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung quy định tại phần phụ lục để thực hiện đúng với quy định.	Sở Tài chính tiếp thu, chỉnh sửa.

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
	Bổ cục dự thảo	Cơ quan soạn thảo nên quy định trực tiếp nội dung, mức chi công tác phí, chi hội nghị không nên để phụ lục đính kèm như trong dự thảo để đảm bảo tính pháp lý cáo của văn bản. Đồng thời nghiên cứu Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ để bố cục lại các phần trong dự thảo, không nên chia nhỏ các mục và gạch đầu dòng quá nhiều để khi văn bản được ban hành có hiệu lực thi hành dễ thực hiện.	Sở Tài chính giải trình nội dung này như sau: '- Sở Tài chính đang soạn thảo dự thảo Nghị quyết này theo hướng là một nội dung của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. Thực tế, UBND Thành phố đã có Công văn số 4931/UBND -TH ngày 09/10/2017 về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp cuối năm 2017 của HĐND Thành phố, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về 04 cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố. Do đó, Sở Tài chính đã dự thảo quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số nội dung đặc thù khác đối với các cơ quan đơn vị thuộc thành phố Hà Nội theo hình thức phụ lục đính kèm Nghị Quyết của HĐND Thành phố. '- Sở Tài chính nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa ý kiến của Sở Tư pháp, dự thảo phần phụ lục Quy định theo mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP. '- Đối với các nội dung chi trong quy định, vì Thông tư 40/2017/TT-BTC quy định rất rõ và chi tiết mức chi tương ứng với các nội dung cụ thể. Do đó, Sở Tài chính cũng đã dự thảo quy định các mức chi tương ứng với các nội dung quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
LIÊN NGÀNH: LAO ĐỘNG THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI - Y TẾ - TÀI
CHÍNH - BẢO HIỂM XÃ HỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2017

Số: 2770 /TTr-LN:LDTBXH-YT-
TC-BHXH

TỜ TRÌNH

Ban hành Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn Thành phố Hà Nội

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Chương trình công tác số 22/CTr-UBND ngày 02/02/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố và Công văn số 3210/UBND-TH ngày 03/7/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc danh mục các báo cáo, đề án trình UBND Thành phố 06 tháng cuối năm 2017,

Liên ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội – Y tế - Tài chính – Bảo hiểm xã hội Thành phố kính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN:

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
- Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;
- Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 26/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo;
- Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 15/1/2009 của UBND Thành phố về việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người mù có hoàn cảnh khó khăn, người bị bệnh phong và người dân thuộc chương trình 135 thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

2.1/ Đối với hộ gia đình cận nghèo:

Ngày 26/6/2012, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 797/QĐ-TTg về nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; trong đó quy định: ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu bằng 70% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình cận nghèo; đồng thời quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ khả năng ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác có thể quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Quyết định này.

Căn cứ quy định của Trung ương, UBND Thành phố đã có Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 quy định hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình cận nghèo kể từ ngày 01/01/2014.

2.2/ Đối với bệnh nhân phong:

Căn cứ quy định của Luật Bảo hiểm y tế, người bị bệnh phong không thuộc đối tượng được cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí. Xuất phát từ thực tế nuôi dưỡng và chăm sóc người bị bệnh phong trên địa bàn Thành phố, ngày 15/1/2009, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND về việc cấp thẻ BHYT miễn phí cho một số đối tượng, bao gồm: người nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại xã, phường và đang được nuôi dưỡng tại các trung tâm bảo trợ xã hội; người mù có hoàn cảnh khó khăn; người bị bệnh phong; người dân thuộc chương trình 135.

Từ năm 2013 đến nay, Thành phố đã thực hiện cấp 553.772 thẻ bảo hiểm y tế cho 553.412 lượt người thuộc hộ gia đình cận nghèo và 360 lượt bệnh nhân phong trên địa bàn Thành phố, qua đó đã góp phần giảm bớt khó khăn trong cuộc sống cho các đối tượng, thực hiện chính sách an sinh xã hội của Thành phố.

Qua rà soát các quy định hiện hành, liên ngành đề xuất UBND Thành phố xem xét trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn Thành phố (thay thế Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 15/1/2009 và Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND Thành phố) với lý do:

- Một số căn cứ pháp lý để ban hành các Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND và số 6827/QĐ-UBND của UBND Thành phố đã hết hiệu lực thi hành, bao gồm: Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003; Luật ngân sách nhà nước năm 2002; Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Thông tư số 09/2007/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn một

số điều của Nghị định số 67/2007/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 139/2002/QĐ-TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc khám, chữa bệnh cho người nghèo (hết hiệu lực một phần).

- Trong các đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí theo Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố, hiện nay, chỉ còn đối tượng người bị bệnh phong chưa có quy định được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, còn các đối tượng còn lại quy định tại Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND đã được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí theo các quy định của Trung ương, cụ thể:

+ Người thuộc hộ gia đình nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 6, điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014.

+ Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng: được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 6, điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014.

+ Người mù có hoàn cảnh khó khăn: Nếu được xác định có mức độ khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng thì được cấp thẻ BHYT miễn phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định 136/2013/NĐ-CP; Nếu được xác định có mức độ khuyết tật nhẹ và thuộc hộ nghèo thì được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 6, điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014; nếu thuộc hộ cận nghèo thì thực hiện theo chính sách hỗ trợ đối với hộ cận nghèo tại Tờ trình này.

- Chính sách hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong là chính sách đặc thù của Thành phố (mức hỗ trợ hộ cận nghèo cao hơn quy định của Trung ương; đối với việc hỗ trợ bệnh nhân phong, Trung ương chưa có quy định). Tại Điểm h, Khoản 9, Điều 30 Luật ngân sách nhà nước năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.*

Xuất phát từ những lý do trên, việc HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về việc hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong là cần thiết và đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT:

1. Mục đích:

- Ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn Thành phố Hà

Nội là rất cần thiết để hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của thành phố Hà Nội và phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành có liên quan góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của UBND Thành phố.

- Nghị quyết được xây dựng đảm bảo đúng các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế của Thành phố.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong, thể hiện sự quan tâm của Đảng bộ, Chính quyền Thành phố, phù hợp với đặc thù và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, góp phần thực hiện mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết:

Đảm bảo chính sách đang thực hiện không thay đổi, không tác động xấu đến kinh tế, xã hội, không gây tăng chi ngân sách, tăng thủ tục hành chính, không gây xáo trộn đời sống dân sinh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Liên ngành: Lao động – Thương binh và Xã hội, Y tế, Tài chính, Bảo hiểm xã hội Thành phố đã phối hợp nghiên cứu các văn bản liên quan, xây dựng Tờ trình và dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Ngày 28/7/2017, Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã có văn bản số 2235/LĐTBXH-BTXH xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp. Ngày 16/8/2017, Sở Tư pháp đã có văn bản số 1782/STP-VBQP cho ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA VĂN BẢN

1. Đối tượng áp dụng:

- Người thuộc hộ gia đình cận nghèo (theo chuẩn cận nghèo của Thành phố Hà Nội) được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận.

- Người bị bệnh phong đang được chăm sóc tại Bệnh viện Da liễu Hà Nội.

2. Mức hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện:

- Liên ngành đề xuất giữ nguyên mức hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo trên địa bàn Thành phố và người bị bệnh phong đang được nuôi dưỡng tại Bệnh viện Da liễu Hà Nội như Thành phố đã triển khai trong giai đoạn vừa qua.

- Về kinh phí và nguồn kinh phí:

- + Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15/11/2014 hướng dẫn thi hành Luật bảo hiểm y tế, mức đóng bảo hiểm y tế hiện nay được tính bằng 4,5% mức lương cơ sở: $4,5\% \times 1.300.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 702.000 \text{ đồng/người/năm}$.

Tổng kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế dự kiến: 93,5 tỷ đồng/năm, trong đó: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo: 93 tỷ đồng/năm; người bị bệnh phong: 0,5 tỷ đồng/năm.

+ Nguồn kinh phí: Ngân sách Thành phố đảm bảo.

3. Thời gian thực hiện chính sách: Từ tháng 01/2018.

Liên ngành: Lao động - Thương binh và Xã hội – Y tế - Tài chính – Bảo hiểm xã hội Thành phố kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định./.

BẢO HIỂM XÃ HỘI THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIÁM ĐỐC	SỞ TÀI CHÍNH GIÁM ĐỐC	SỞ Y TẾ GIÁM ĐỐC	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI GIÁM ĐỐC
			
Nguyễn Đức Hòa	Hà Minh Hải	Nguyễn Khắc Hiền	Khuất Văn Thành

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT UBND TP Ngô Văn Quý (để báo cáo);
- PCT UBND TP Nguyễn Doãn Toàn (để báo cáo);
- Lưu: SLĐTBXH, SYT, STC, BHXHTP.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2900 /LĐTBXH-BTXH
Bổ sung Tờ trình về sự cần thiết
đề nghị xây dựng Nghị quyết

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2017

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Sở Lao động Thương binh và Xã hội được UBND Thành phố giao chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội Thành phố thống nhất báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo, người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, ngày 26/9/2017, Sở Tư pháp đã chủ trì cuộc họp thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết. Trên cơ sở ý kiến thảo luận của các đại biểu tham dự hội nghị và ý kiến kết luận của đồng chí Chủ trì cuộc họp, Sở Lao động TB&XH báo cáo bổ sung Tờ trình về sự cần thiết đề nghị xây dựng Nghị quyết. Cụ thể như sau:

1. Về chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người bị bệnh phong:

Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 15/1/2009 của UBND Thành phố quy định việc cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người mù có hoàn cảnh khó khăn, người bị bệnh phong và người dân thuộc chương trình 135 thành phố Hà Nội. Tuy nhiên đến nay, các đối tượng:

- Người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: đã được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.

- Người mù có hoàn cảnh khó khăn nếu được xác định là người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng thì được cấp thẻ BHYT miễn phí theo quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP; Nếu mức độ khuyết tật nhẹ và thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo thì được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định đối với hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

Riêng người bị bệnh phong, Trung ương chưa có văn bản quy định về hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tế chăm sóc người bị bệnh phong tại Bệnh viện Da liễu Hà Nội, năm 2005 thành phố Hà Nội đã quyết định cấp thẻ BHYT miễn phí cho người bị bệnh phong và chính sách này đang được tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 15/1/2009 của UBND Thành phố. Hiện nay, toàn Thành phố có 81 người bị bệnh phong đang thường xuyên được chăm sóc tại Bệnh

viện Da liễu Hà Nội và đã được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế, với kinh phí 52 triệu đồng/năm.

Như vậy, phần lớn nội dung quy định tại Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố trùng với quy định tại Luật Bảo hiểm y tế và Nghị định 136/2013/NĐ-CP. Riêng người bị bệnh phong là chính sách đặc thù của Thành phố, do ngân sách Thành phố hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế. Vì vậy, việc HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người bị bệnh phong là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật ngân sách năm 2015.

2. Về chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo:

Chính sách hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo được thành phố Hà Nội thực hiện từ ngày 01/01/2014 theo Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND Thành phố. (Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 26/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu 70% mức đóng bảo hiểm y tế). Kết quả năm 2014 Thành phố đã cấp 134.565 thẻ BHYT (kinh phí 83 tỷ đồng), năm 2015 cấp 136.590 thẻ BHYT (kinh phí 84,5 tỷ đồng).

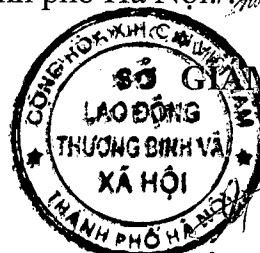
Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 26/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND Thành phố được ban hành trên cơ sở chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015. Ngày 19/11/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và ngày 13/4/2016 UBND Thành phố ban hành Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tiếp cận đa chiều thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020. Căn cứ chuẩn nghèo mới, năm 2017 toàn Thành phố có 142.811 người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế, với kinh phí trên 93 tỷ đồng.

Do có sự thay đổi về phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo từ nghèo thu nhập sang nghèo đa chiều (áp dụng từ năm 2016) và kinh phí hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo lớn (trên 90 tỷ đồng/năm), nên việc trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo (thay thế Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND Thành phố) là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật ngân sách năm 2015.

Sở Lao động TB&XH kính đề nghị UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo, người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội. / Anh

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Y tế;
- Lưu VT, BTXH.



Khuất Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Signature Not Verified



Hà Nội, ngày 28 tháng 9

Thời gian ký:
28/09/2017 14:59 PM
năm 2017

Số: 2203/STP-VBPQ

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định mức hỗ trợ
đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh
phong trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Sở Lao động thương binh và Xã hội Hà Nội

Thực hiện quy định tại Điều 115 Luật Ban hành văn bản quy phạm, Sở Tư pháp Hà Nội tiến hành thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở hồ sơ, tài liệu nhận được và ý kiến các ngành có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Sự cần thiết xây dựng Nghị quyết, đối tượng, phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết

- Sự cần thiết xây dựng Nghị quyết

Hiện nay, việc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội đã được quy định tại Quyết định số 2867/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 15/01/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người mù có hoàn cảnh khó khăn, người bị bệnh phong và người dân thuộc chương trình 135 Thành phố Hà Nội. Việc thực hiện các văn bản này đã góp phần giảm bớt khó khăn trong cuộc sống cho các đối tượng, thực hiện chính sách an sinh xã hội của thành phố.

Tuy nhiên Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND Thành phố được ban hành trên cơ sở chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015. Chính sách hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo được thành phố Hà Nội thực hiện từ ngày 01/01/2014 theo Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND Thành phố. (Quyết định số 797/QĐ-TTg

ngày 26/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu 70% mức đóng bảo hiểm y tế). Kết quả năm 2014 Thành phố đã cấp 134.565 thẻ BHYT (kinh phí 83 tỷ đồng), năm 2015 cấp 136.590 thẻ BHYT (kinh phí 84,5 tỷ đồng).

Ngày 19/11/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và ngày 13/4/2016 UBND Thành phố ban hành Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tiếp cận đa chiều thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020. Căn cứ chuẩn nghèo mới, năm 2017 toàn Thành phố có 142.811 người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế, với kinh phí trên 93 tỷ đồng.

Do có sự thay đổi về phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo từ nghèo thu nhập sang nghèo đa chiều (*áp dụng từ năm 2016*) và kinh phí hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo lớn (trên 90 tỷ đồng/năm), nên việc trình HĐND Thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo (*thay thế Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND Thành phố*) là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật ngân sách năm 2015.

Đối với Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 15/1/2009 của UBND Thành phố quy định việc cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người mù có hoàn cảnh khó khăn, người bị bệnh phong và người dân thuộc chương trình 135 thành phố Hà Nội thì đến nay trừ người bị bệnh phong, còn lại các đối tượng khác đã được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo các quy định hiện hành của Trung ương. Cụ thể: người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân thuộc chương trình 135: đã được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015; Người mù có hoàn cảnh khó khăn là người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 136/2013/NĐ-CP, nếu người mù được xác định có mức độ khuyết tật nhẹ và thuộc hộ nghèo thì được cấp thẻ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

ngày 26/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu 70% mức đóng bảo hiểm y tế). Kết quả năm 2014 Thành phố đã cấp 134.565 thẻ BHYT (kinh phí 83 tỷ đồng), năm 2015 cấp 136.590 thẻ BHYT (kinh phí 84,5 tỷ đồng).

Ngày 19/11/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg về chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và ngày 13/4/2016 UBND Thành phố ban hành Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tiếp cận đa chiều thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020. Căn cứ chuẩn nghèo mới, năm 2017 toàn Thành phố có 142.811 người thuộc hộ cận nghèo được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế, với kinh phí trên 93 tỷ đồng.

Do có sự thay đổi về phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo từ nghèo thu nhập sang nghèo đa chiều (*áp dụng từ năm 2016*) và kinh phí hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo lớn (trên 90 tỷ đồng/năm), nên việc trình HĐND Thành phố đề nghị xây dựng Nghị quyết hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo (*thay thế Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 của UBND Thành phố*) là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Luật ngân sách năm 2015.

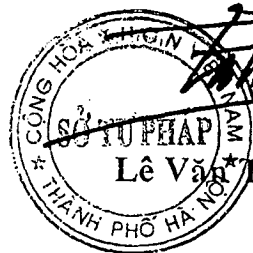
Đối với Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND ngày 15/1/2009 của UBND Thành phố quy định việc cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người mù có hoàn cảnh khó khăn, người bị bệnh phong và người dân thuộc chương trình 135 thành phố Hà Nội thì đến nay trừ người bị bệnh phong, còn lại các đối tượng khác đã được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo các quy định hiện hành của Trung ương. Cụ thể: người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người dân thuộc chương trình 135: đã được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015; Người mù có hoàn cảnh khó khăn là người khuyết tật nặng hoặc đặc biệt nặng được hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 136/2013/NĐ-CP, nếu người mù được xác định có mức độ khuyết tật nhẹ và thuộc hộ nghèo thì được cấp thẻ theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND Thành phố gửi Sở Lao động, Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội tổng hợp báo cáo UBND Thành phố và Thường trực HĐND Thành phố xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VBPQ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Tân

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
LIÊN SỞ: Y TẾ - TÀI CHÍNH
LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3950/TTr-LS: YT-TC-
LĐTB&XH

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2017

TỜ TRÌNH LIÊN SỞ

V/v mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Công văn số 4931/UBND-TH ngày 09/10/2017 của UBND Thành phố về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp cuối năm 2017 Hội đồng nhân dân Thành phố, theo đó UBND Thành phố giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Y tế, Tư pháp hoàn thiện báo cáo gửi UBND Thành phố trước ngày 20/10/2017 để tổ chức họp Tập thể UBND vào phiên họp tháng 10/2017.

Trên cơ sở ý kiến thống nhất tại cuộc họp Liên Sở: Y tế - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội ngày 16/10/2017 về việc thẩm định mức kinh tế kỹ thuật và mức chi ngân sách nhà nước. Liên Sở: Y tế - Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội kính báo cáo UBND Thành phố về mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương để trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định với nội dung cụ thể như sau:

I. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
- Luật Giá số 12/QH13 ngày 20/6/2012;
- Luật Ban hành quy phạm pháp luật năm 2015;
- Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;
- Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
- Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

- Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số;

- Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

- Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29/9/2016 của Bộ Y tế quy định việc thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phong, tâm thần của Nhà nước;

- Công văn số 1131/BYT-KH-TC ngày 10/03/2017 của Bộ Y tế về việc thực hiện Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29/9/2016 của Bộ Y tế;

- Công văn số 1510/KCB-NV ngày 16/10/2017 của Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế về việc định mức kinh tế kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương.

II. Thực trạng công tác hoạt động khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần trên địa bàn Thành phố và sự cần thiết ban hành mức chi ngân sách nhà nước

1. Kết quả, thực trạng hoạt động của Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương

Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương là bệnh viện chuyên khoa tuyến Thành phố hạng III, là đơn vị sự nghiệp y tế do ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động. Mô hình hoạt động của bệnh viện là kết hợp điều trị hóa liệu pháp, lý liệu pháp và phục hồi chức năng tâm lý xã hội (PHCNTL - XH) cho người bệnh (NB) tâm thần không tách khỏi gia đình, cộng đồng, nhằm tăng cường trách nhiệm của Gia đình - Cộng đồng - Bệnh viện trong công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc và PHCNTL - XH cho NB, tạo cơ hội tái hòa nhập cộng đồng giảm tỷ lệ tàn tật tâm thần, giảm gánh nặng cho gia đình - xã hội.

Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương với nhiệm vụ khám, chữa bệnh bán trú cho người bệnh tâm thần bằng thuốc kết hợp cộng đồng và toàn xã hội để bệnh nhân hòa nhập vào cuộc sống. Tổ chức khám và điều trị các triệu chứng căn nguyên tâm lý cho người bệnh bằng trị liệu tâm lý cá nhân và tâm lý gia đình. Đồng thời bệnh viện cũng tham gia các chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng trong việc chăm sóc sức khỏe cho người bị tâm thần và phòng chống ma túy.

Trong khi các bệnh viện chuyên khoa tâm thần hiện vẫn đang trong tình trạng quá tải, nhờ có bệnh viện ban ngày mà tỷ lệ nhập viện qua đêm đã giảm mạnh, đồng thời hàng năm có tới 40% số lượng người bệnh tâm thần nặng được phục hồi tốt về chức năng tâm lý xã hội, tái hòa nhập cộng đồng. Bên cạnh đó,

giải pháp trong điều trị bệnh tâm thần vẫn còn nhiều vướng mắc, đặc biệt là chuyển tuyến khám bệnh BHYT, thông tuyến huyện trong khám chữa bệnh, khám chữa bệnh cho người nghèo.

Các thủ tục thực hiện trong cùng ngày và không yêu cầu ở lại qua đêm, thuận lợi cho trẻ em và người già khi những đối tượng này không cần phải ngủ lại trong một môi trường không quen thuộc. Đây là cách lý tưởng để tránh sự gián đoạn trong công việc làm hoặc sinh hoạt gia đình. Bệnh viện ban ngày nếu có mức giá hỗ trợ tốt từ ngân sách Nhà nước, so với hiệu quả đem lại thì được coi là tiết kiệm chi phí.

Bệnh viện có thuận lợi là được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp, ngành dân dân đưa bệnh viện ngày càng phát triển và được đa số bệnh nhân trên địa bàn thành phố đến khám và điều trị như bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh, trầm cảm... ngày càng tăng so với kế hoạch được giao hàng năm.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, mọi hoạt động của bệnh viện được ngân sách Nhà nước cấp toàn bộ. Giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2016, các khoản chi tiêu bệnh viện được cân đối theo dự toán Sở Y tế giao theo định mức hàng năm là 60.000.000 đồng/ giường bệnh nội trú ban ngày.

Năm 2016 có nhiều thuận lợi, với cơ sở vật chất và trang thiết bị mới được cải tạo nâng cấp bước đầu đáp ứng các nhu cầu công tác khám chữa bệnh của người dân thủ đô và các vùng lân cận. Song, bên cạnh đó Bệnh viện gặp không ít những khó khăn: thiếu bác sĩ, giá cả thị trường biến động, kinh phí giường bệnh thấp, đời sống cán bộ còn gặp nhiều khó khăn, cơ sở vật chất chật hẹp. Theo kế hoạch được giao hàng năm là 50 giường bệnh nội trú ban ngày và được ngân sách cấp như sau:

Năm 2014: Kinh phí hàng năm ngân sách nhà nước cấp: 4.970.000.000 đồng, trong đó: chi phí khám, chữa bệnh và hoạt động thường xuyên: 934.518.000 đồng.

Năm 2015: Kinh phí hàng năm ngân sách nhà nước cấp: 5.767.000.000 đồng, trong đó: chi phí khám, chữa bệnh và hoạt động thường xuyên: 905.720.000 đồng.

Năm 2016: Kinh phí hàng năm ngân sách nhà nước cấp: 5.970.000.000 đồng, trong đó: chi phí khám, chữa bệnh và hoạt động thường xuyên: 1.137.861.000 đồng.

2. Sự cần thiết của việc ban hành mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương

Ngày 29/9/2016, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 36/2016/TT-BYT quy định việc thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phong, tâm thần của Nhà nước; theo đó, tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư quy định: Danh mục bệnh và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần (82 danh mục bệnh quy định mức chi/1 người bệnh/1 đợt điều trị).

Tại Công văn số 1510/KCB-NV ngày 16/10/2017 của Cục Quản lý Khám, chữa bệnh - Bộ Y tế về định mức kinh tế kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại bệnh viện Tâm thần Mai Hương, theo đó:

"a) Năm 2016, Cục Quản lý Khám, chữa bệnh được Bộ Y tế giao, phối hợp với các Bệnh viện, chuyên gia liên quan xây dựng Danh mục bệnh, định mức kinh tế kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh phong và người bệnh tâm thần cho 01 người bệnh /01 đợt điều trị nội trú. Đây là căn cứ để Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc bệnh tâm thần tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT"

Theo hướng dẫn trên, mức chi ngân sách thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc bệnh tâm thần tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT là cho 01 đợt điều trị nội trú (ngày và đêm).

Tuy nhiên, thực hiện chức năng nhiệm vụ được UBND Thành phố giao, bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương chỉ thực hiện nhiệm vụ khám, chữa bệnh bán trú (ban ngày) cho người bệnh tâm thần bằng thuốc kết hợp cộng đồng và toàn xã hội để bệnh nhân hoà nhập vào cuộc sống.

Do vậy, việc xây dựng mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương là nhiệm vụ cấp thiết, làm cơ sở tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Thẩm quyền ban hành mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương

- Tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 8, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ quy định về thẩm quyền và trách nhiệm định giá:

"3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật đối với: Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước (trừ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế) và gửi quyết định giá về Bộ Y tế, Bộ Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước; dịch vụ giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập (học phí)".

- Thực hiện hướng dẫn của Bộ Y tế tại Mục 5, Công văn số 1131/BYT-KH-TC ngày 10/3/2017 về việc thực hiện Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29/9/2016, theo đó:

"5. Về việc xây dựng định mức chi ngân sách Nhà nước đối với Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương:

a) Theo Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số, các dịch vụ "Chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị người bệnh phong, tâm thần, HIV/AIDS giai đoạn cuối tại các cơ sở y tế công lập" thuộc nhóm các dịch vụ do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí thực

hiện dịch vụ, theo nguyên tắc các dịch vụ được bảo hiểm y tế thanh toán thì ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa tính trong giá dịch vụ.

b) Tại Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017 đã quy định: Căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 tính theo định mức phân bổ và tiến độ thực hiện điều chỉnh giá, phí dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ, các địa phương xây dựng định mức phân bổ chi ngân sách địa phương trong đó việc phân bổ chi cho các đơn vị sự nghiệp y tế thuộc địa phương quản lý.

Vì vậy, đề nghị Sở Y tế Hà Nội báo cáo Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội để xây dựng và ban hành định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương."

Theo hướng dẫn của Bộ Y tế và các văn bản hiện hành, liên Sở thống nhất kính đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, ban hành mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương.

III. Đề xuất của liên Sở về mức chi từ ngân sách Nhà nước thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương

1. Về mục đích, đối tượng áp dụng

- **Mục đích:** Xác định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương, nhằm đảm bảo kinh phí và nhu cầu thiết yếu theo xu thế hiện nay.

- **Đối tượng:** Bệnh nhân tâm thần được khám chữa bệnh tại Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương.

2. Cơ sở pháp lý để xác định định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi:

2.1. Về định mức kinh tế kỹ thuật

- Căn cứ Hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 1131/BYT-KH-TC ngày 10/3/2017 về việc thực hiện Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29/9/2016 của Bộ Y tế, theo đó quy định:

"Mức chi quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 36 là các chi phí quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 36, bao gồm:

a) Chi phí trực tiếp để thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh:

- Chi phí về: Thuốc; dịch truyền; hóa chất; vật tư tiêu hao; vật tư thay thế để khám, chữa bệnh cho người bệnh.

- Chi phí về điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường;

- Chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ.

b) Chi phí quản lý chung của Bệnh viện.

Mức chi quy định tại Thông tư không bao gồm các khoản chi cho con người (kể cả bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, phụ cấp trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật) theo quy định của số lượng người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, chi tiền ăn đối với người bệnh thuộc đối tượng nhà nước hỗ trợ tiền ăn theo chế độ quy định, chi phí mua sắm, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ công tác chuyên môn của cơ sở khám, chữa bệnh."

- Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 1510/KCB-NV ngày 16/10/2017 của Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế về việc định mức kinh tế kỹ thuật chuyên môn thực hiện tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương, theo đó: "*Cục Quản lý Khám, chữa bệnh gửi tới Sở Y tế Hà Nội Danh mục bệnh, định mức kinh tế kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần nêu tại Điểm a trên đây, để Sở Y tế Hà Nội chỉ đạo Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương tham khảo khi xây dựng Danh mục bệnh và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương. Tuy nhiên cần lưu ý, định mức kinh tế kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh Tâm thần này là định mức áp dụng cho người bệnh điều trị nội trú*".

Theo quy định trên, định mức kinh tế kỹ thuật đối với dịch vụ khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương được xây dựng trên cơ sở: Các chi phí quy định tại Công văn số 1131/BYT-KH-TC ngày 10/3/2017 của Bộ Y tế và Danh mục định mức kinh tế kỹ thuật theo các mã bệnh, định mức kỹ thuật chuyên môn (là định mức chi phí thành phần: gồm các chi phí dịch vụ điều trị khám, chữa bệnh để cấu thành lên 01 định mức kinh tế kỹ thuật cho 01 mã bệnh/01 người bệnh/01 đợt điều trị) được gửi kèm Công văn số 1510/KCB-NV ngày 16/10/2017 của Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế, cụ thể:

Định mức kinh tế kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần cho 01 mã bệnh/01 người bệnh/01 đợt điều trị (không bao gồm các khoản chi về lương cho con người) gồm:

- Chi phí trực tiếp để thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh:

+ Chi phí về: Thuốc; dịch truyền; hóa chất; vật tư tiêu hao; vật tư thay thế để khám, chữa bệnh cho người bệnh.

+ Chi phí về điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường;

+ Chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ.

- Chi phí quản lý chung (chi phí khác).

2.2. Về mức chi đối với dịch vụ khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương

- Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 1131/BYT-KH-TC ngày 10/3/2017 của Bộ Y tế về việc thực hiện Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29/9/2016, theo đó quy định: "*Các dịch vụ "Chăm sóc, nuôi dưỡng, điều trị người bệnh phong, tâm thần, HIV/AIDS giai đoạn cuối tại các cơ sở y tế công lập" thuộc nhóm các dịch vụ do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện*

dịch vụ”.

Theo quy định trên, ngân sách Nhà nước đảm bảo toàn bộ các chi phí cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương (đơn vị sự nghiệp công lập)

Do đó, Liên Sở thống nhất đề xuất: Mức chi từ ngân sách nhà nước của 01 mã bệnh/01 người bệnh/01 đợt điều trị cho hoạt động khám chữa bệnh tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương: Được xác định bằng với Định mức kinh tế kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần cho 01 mã bệnh/01 người bệnh/01 đợt điều trị.

3. Đề xuất của Liên Sở về danh mục, định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng mức chi từ ngân sách nhà nước cho hoạt động khám, chữa bệnh chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương

3.1. Về danh mục

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29/9/2016 của Bộ Y tế quy định việc thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phong, tâm thần của Nhà nước.

Theo đề nghị của Sở Y tế, liên Sở thống nhất đề xuất danh mục thực hiện khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương đảm bảo đủ **82 danh mục** theo quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29/9/2016 của Bộ Y tế.

3.2. Về định mức kinh tế kỹ thuật

- Trên cơ sở Định mức kinh tế kỹ thuật chuyên môn khi thực hiện dịch vụ điều trị khám, chữa bệnh nằm trong định mức kinh tế kỹ thuật của 82 danh mục dịch vụ do Bộ Y tế cung cấp tại Công văn số 1510/KCB-NV ngày 16/10/2017 của Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế, Liên Sở thống nhất xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật chuyên môn của 82 danh mục dịch vụ tại Bệnh viện tâm thần Ban ngày Mai Hương theo hướng dẫn của Bộ Y tế nêu trên và phù hợp với thực tế công tác khám bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương, đảm bảo không vượt quá định mức của Bộ Y tế đã ban hành.

- Định mức kinh tế kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần cho 01 mã bệnh/01 người bệnh/01 đợt điều trị (*không bao gồm các khoản chi về lương cho con người*) tại bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương gồm: Chi phí trực tiếp để thực hiện dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và chi phí quản lý chung (chi phí khác) như đã nêu tại phần 2.1 nêu trên, cụ thể như sau:

a) Chi phí trực tiếp

Bao gồm:

- Các chi phí để thực hiện các dịch vụ: Xét nghiệm, đoán hình ảnh, thăm dò chức năng (đã bao gồm các chi phí hóa chất; vật tư tiêu hao; vật tư thay thế).

Đơn giá thực hiện các dịch vụ được áp dụng theo giá dịch vụ khám chữa bệnh (chưa tính tiền lương và phụ cấp đặc thù) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLDTB&XH ngày 26/01/2006 về việc bổ sung Thông tư liên Bộ số 14/TTLB ngày 30/9/1995 của liên Bộ: Y tế - Tài chính - Lao động thương binh và xã hội - Ban vật giá Chính phủ hướng dẫn thu một phần viện phí và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 về việc ban hành tối đa khung giá một số dịch vụ khám, chữa bệnh trong các cơ sở khám, chữa bệnh của Nhà nước;

- Chi phí thuốc, dịch truyền: Thực hiện theo đơn giá đấu thầu thuốc, dịch truyền năm 2016.

b) Chi phí khác

- Chi phí để thực hiện cho các hoạt động thường xuyên: Điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ.... Các chi phí này được tính theo giá trị bình quân 3 năm 2014, 2015, 2016 của bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương đã được thẩm tra quyết toán theo quy định.

(chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo: Định mức kinh tế kỹ thuật chuyên môn của 82 danh mục dịch vụ khám, chữa bệnh tâm thần).

3.3. Về mức chi từ ngân sách cho hoạt động khám, chữa bệnh chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương

Mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương được xây dựng trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, giá dịch vụ y tế trên nguyên tắc các danh mục và định mức kinh tế kỹ thuật như đã trình bày tại Mục 2.2 và mục 3.2 nêu trên, đảm bảo không vượt quá Mức chi đã được Bộ Y tế ban hành tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT ngày 29/9/2016 của Bộ Y tế.

Liên Sở kính đề xuất UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương *(chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo: Mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương).*

3.4. Dự kiến kinh phí thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương:

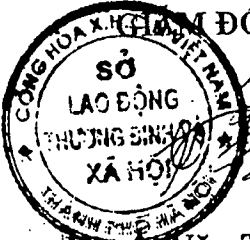
Trên cơ sở mức chi từ ngân sách Thành phố để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương như đề xuất; dự kiến số bệnh nhân điều trị 800 đợt theo mã bệnh, Dự kiến kinh phí thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương 01 năm là 3.500 triệu đồng.

(Biểu so sánh chi phí thực hiện khám, chữa bệnh theo định mức chi dự kiến so với các năm 2016, 2017 chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

3.5. Thời gian thực hiện

Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua tại kỳ họp cuối năm 2017 Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành từ 01/01/2018.

Liên Sở kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét và có văn bản trình HĐND Thành phố xem xét, phê duyệt Nghị quyết Quy định định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương của thành phố Hà Nội để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  Khuất Văn Thành	SỞ TÀI CHÍNH  Hà Minh Hải	SỞ Y TẾ  Nguyễn Khắc Hiền
---	--	--

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: SYT, STC, SLĐTB&XH.

**MỨC CHI PHÍ KHÁM, CHỮA BỆNH VÀ CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH TÂM THẦN
TẠI BỆNH VIỆN TÂM THẦN BAN NGÀY MAI HƯƠNG**

(Kèm theo Tờ trình Liên Sở số 3950/ TTr-LS: YT-TC-LĐTBXH ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Liên sở Y tế -Tài chính - Lao động Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính : đồng

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
1	F00	Mất trí trong bệnh Alzheimer	60	847,000	42,000	470,000	2,067,150	200,000	754,800	4,380,950
2	F01	Mất trí trong bệnh mạch máu	60	847,000	42,000	470,000	1,900,910	200,000	754,800	4,214,710
3	F02	Mất trí trong các bệnh lý khác	60	847,000	42,000	470,000	2,068,920	200,000	754,800	4,382,720
4	F03	Mất trí không biệt định	60	847,000	42,000	470,000	1,590,950	200,000	754,800	3,904,750
5	F04	Hội chứng quên thực tồn	60	847,000	42,000	464,000	2,073,640	200,000	754,800	4,381,440
6	F05	Sảng không do rượu và các chất tác động tâm thần khác	60	847,000	42,000	464,000	2,063,920	200,000	754,800	4,371,720
7	F06	Rối loạn tâm thần khác do tổn thương não	60	847,000	42,000	464,000	2,016,040	200,000	754,800	4,323,840
8	F07	Các rối loạn hành vi và nhân cách do bệnh lý não tổn thương não và các rối loạn chức năng não	60	847,000	42,000	504,000	2,071,120	200,000	754,800	4,418,920
9	F09	Rối loạn tâm thần triệu chứng hoặc thực tồn	60	847,000	42,000	470,000	2,090,560	200,000	754,800	4,404,360
10	F10	Rối loạn tâm thần do sử dụng rượu	60	847,000	42,000	490,000	1,524,200	200,000	754,800	3,858,000
11	F11	Rối loạn tâm thần do sử dụng ma túy	60	1,327,000	42,000	524,000	1,587,240	200,000	754,800	4,435,040
12	F12	Rối loạn tâm thần do sử dụng cần sa	45	1,167,000	42,000	464,000	1,978,440	200,000	566,100	4,417,540
13	F13	Rối loạn tâm thần do sử dụng thuốc an dũ hoặc thuốc ngủ	45	1,007,000	42,000	464,000	2,661,630	200,000	566,100	4,940,730

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
14	F14	Rối loạn tâm thần do sử dụng cocain	45	1,007,000	42,000	470,000	1,908,665	200,000	566,100	4,193,765
15	F15	Rối loạn tâm thần do sử dụng các chất kích thích khác bao gồm cafein	45	1,007,000		470,000	1,872,840	200,000	566,100	4,115,940
16	F16	Rối loạn tâm thần do sử dụng chất gây ảo giác	45	1,167,000		470,000	1,767,090	200,000	566,100	4,170,190
17	F17	Rối loạn tâm thần do sử dụng thuốc lá	45	887,000	42,000	470,000	2,081,700	200,000	566,100	4,246,800
18	F18	Rối loạn tâm thần do sử dụng các dung môi dễ bay hơi	45	1,007,000	42,000	470,000	1,800,440	200,000	566,100	4,085,540
19	F19	Rối loạn tâm thần do sử dụng nhiều loại ma túy	60	1,232,000	42,000	470,000	1,686,960	200,000	754,800	4,385,760
20	F20.0	Tâm thần phân liệt thể hoang tưởng	60	797,000	42,000	510,000	3,446,580	200,000	754,800	5,750,380
21	F20.1	Tâm thần phân liệt thể thanh xuân	60	797,000	42,000	510,000	3,450,300	200,000	754,800	5,754,100
22	F20.2	Tâm thần phân liệt thể căng trương lực	60	797,000	42,000	510,000	3,445,260	200,000	754,800	5,749,060
23	F20.3	Tâm thần phân liệt thể không biệt định	90	797,000	42,000	510,000	2,962,830	300,000	1,132,200	5,744,030
24	F20.4	Tâm thần phân liệt thể trầm cảm	90	797,000	42,000	670,000	2,751,960	300,000	1,132,200	5,693,160
25	F20.5	Tâm thần phân liệt thể di chứng	90	849,000	42,000	510,000	2,953,380	300,000	1,132,200	5,786,580
26	F20.6	Tâm thần phân liệt thể đơn thuần	90	797,000	42,000	510,000	2,974,980	300,000	1,132,200	5,756,180
27	F20.9	Tâm thần phân liệt không đặc hiệu	60	797,000	42,000	510,000	3,361,620	200,000	754,800	5,665,420
28	F21	Rối loạn dạng phân liệt	60	797,000	42,000	510,000	3,574,740	200,000	754,800	5,878,540
29	F22	Rối loạn hoang tưởng dai dẳng	90	797,000	42,000	470,000	3,396,480	200,000	1,132,200	6,037,680
30	F23	Rối loạn thần cấp	60	957,000	42,000	470,000	3,503,460	200,000	754,800	5,927,260

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
31	F24	Rối loạn hoang tưởng cảm ứng	60	797,000	42,000	590,000	3,437,120	200,000	754,800	5,820,920
32	F25	Rối loạn phân liệt cảm xúc	90	797,000	42,000	590,000	3,266,700	200,000	1,132,200	6,027,900
33	F28	Các rối loạn loạn thần không thực tổn khác	60	797,000	42,000	590,000	3,461,120	200,000	754,800	5,844,920
34	F29	Bệnh loạn thần không thực tổn không biệt định	60	797,000	42,000	590,000	3,231,440	200,000	754,800	5,615,240
35	F30	Giai đoạn hưng cảm	60	957,000	42,000	590,000	3,430,040	200,000	754,800	5,973,840
36	F31	Rối loạn cảm xúc lưỡng cực	90	797,000	42,000	585,000	3,005,590	200,000	1,132,200	5,761,790
37	F32	Giai đoạn trầm cảm	60	957,000	42,000	430,000	5,091,720	200,000	754,800	7,475,520
38	F33	Trầm cảm tái diễn	90	797,000	42,000	585,000	4,422,870	200,000	1,132,200	7,179,070
39	F34	Các trạng thái loạn khí sắc dai dẳng	60	797,000	42,000	470,000	4,666,680	300,000	754,800	7,030,480
40	F38	Các rối loạn khí sắc khác	60	797,000	42,000	470,000	4,750,320	200,000	754,800	7,014,120
41	F39	Rối loạn khí sắc không biệt định	60	797,000	42,000	470,000	4,824,900	200,000	754,800	7,088,700
42	F40	Các rối loạn lo âu ám ảnh sợ	90	797,000	42,000	310,000	2,795,780	340,000	1,132,200	5,416,980
43	F41	Các rối loạn lo âu khác	90	797,000	42,000	525,000	2,331,135	340,000	1,132,200	5,167,335
44	F42	Rối loạn ám ảnh nghi thức	60	797,000	42,000	450,000	2,872,320	340,000	754,800	5,256,120
45	F43	Phản ứng với Stress	60	797,000	42,000	470,000	2,647,860	340,000	754,800	5,051,660
46	F44	Cơ giật phần li	60	797,000	42,000	400,000	2,794,080	340,000	754,800	5,127,880
47	F45	Các rối loạn dạng cơ thể	90	797,000	42,000	565,000	2,139,110	340,000	1,132,200	5,015,310

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
48	F48	Các rối loạn tâm căn khác	60	797,000	42,000	470,000	2,457,300	340,000	754,800	4,861,100
49	F50	Rối loạn ăn uống	60	797,000	42,000	470,000	2,221,800	340,000	754,800	4,625,600
50	F51	Mất ngủ không thực tổn	90	797,000	42,000	505,000	1,850,960	510,000	1,132,200	4,837,160
51	F52	Loạn chức năng tình dục không do các rối loạn hoặc bệnh thực tổn	40	797,000	42,000	470,000	2,084,360	340,000	503,200	4,236,560
52	F53	Các rối loạn tâm thần hành vi kết hợp với thời kỳ sinh đẻ	60	797,000	42,000	470,000	1,894,920	340,000	754,800	4,298,720
53	F55	Lạm dụng các chất không gây nghiện	60	1,007,000	42,000	430,000	1,895,610	340,000	754,800	4,469,410
54	F60	Rối loạn nhân cách đặc hiệu	45	797,000	42,000	470,000	2,219,880	340,000	754,800	4,623,680
55	F61	Các rối loạn nhân cách hỗn hợp và rối loạn nhân cách khác	40	797,000	42,000	470,000	2,486,300	340,000	503,200	4,638,500
56	F62	Các biến đổi nhân cách lâu dài không thể gán cho một tổn thương não hoặc bệnh não	45	797,000	42,000	470,000	2,509,560	340,000	566,100	4,724,660
57	F63	Các rối loạn thói quen và xung đột	60	797,000	42,000	510,000	2,340,540	340,000	754,800	4,784,340
58	F64	Rối loạn về phân định giới tính	45	879,000	42,000	470,000	2,435,580	340,000	566,100	4,732,680
59	F65	Các rối loạn về ưa chuộng giới tính	40	797,000	42,000	470,000	2,414,790	340,000	503,200	4,566,990
60	F66	Các rối loạn hành vi và tâm lý kết hợp với sự phát triển và định hướng giới tính	45	797,000	42,000	470,000	2,517,795	340,000	566,100	4,732,895
61	F68	Các rối loạn về hành vi và nhân cách ở người thành niên	40	797,000	42,000	510,000	2,444,230	340,000	503,200	4,636,430
62	F69	Các rối loạn không phân định về hành vi và nhân cách ở người thành niên	40	797,000	42,000	510,000	2,444,630	340,000	503,200	4,636,830
63	F70	Chậm phát triển tâm thần nhẹ	40	797,000	42,000	190,000	2,632,040	340,000	503,200	4,504,240
64	F73	Chậm phát triển tâm thần trầm trọng	90	797,000	42,000	380,000	1,881,220	340,000	1,132,200	4,572,420

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
65	F78	Chậm phát triển tâm thần khác	90	797,000	42,000	520,000	1,787,440	340,000	1,132,200	4,618,640
66	F79	Chậm phát triển tâm thần không biệt định	60	797,000	42,000	380,000	2,478,420	340,000	754,800	4,792,220
67	F80	Rối loạn đặc hiệu về phát triển lời nói và ngôn ngữ	120	1,005,000	42,000	445,000	990,660	680,000	1,509,600	4,672,260
68	F81	Rối loạn đặc hiệu về phát triển các kỹ năng ở nhà trường	120	1,005,000	42,000	445,000	1,020,540	680,000	1,509,600	4,702,140
69	F82	Rối loạn đặc hiệu về phát triển các chức năng vận động	120	1,005,000	42,000	445,000	1,040,700	680,000	1,509,600	4,722,300
70	F83	Rối loạn đặc hiệu hỗn hợp và đặc hiệu phát triển	120	1,005,000	42,000	445,000	859,620	680,000	1,509,600	4,541,220
71	F84	Rối loạn phát triển lan tỏa	120	1,005,000	42,000	445,000	910,020	680,000	1,509,600	4,591,620
72	F85	Rối loạn khác của phát triển tâm lý	120	1,005,000	42,000	445,000	559,620	680,000	1,509,600	4,241,220
73	F89	Các rối loạn không đặc hiệu của phát triển tâm lý	120	1,005,000	42,000	445,000	910,020	680,000	1,509,600	4,591,620
74	F90	Rối loạn tăng động	120	1,005,000	42,000	570,000	1,593,420	680,000	1,509,600	5,400,020
75	F91	Rối loạn hành vi	120	1,005,000	42,000	570,000	1,623,660	680,000	1,509,600	5,430,260
76	F92	Các rối loạn hành vi hỗn hợp cảm xúc	120	1,173,000	42,000	570,000	1,680,300	680,000	1,509,600	5,654,900
77	F93	Rối loạn cảm xúc với sự khởi phát đặc biệt ở trẻ em	120	1,005,000	42,000	570,000	1,626,180	680,000	1,509,600	5,432,780
78	F94	Rối loạn hoạt động xã hội với sự khởi phát đặc biệt ở trẻ em	120	1,005,000	42,000	570,000	1,817,700	680,000	1,509,600	5,624,300
79	F95	Rối loạn TIC	120	1,005,000	42,000	570,000	1,591,560	680,000	1,509,600	5,398,160
80	F98	Rối loạn cảm xúc hành vi khác khởi phát ở tuổi trẻ em	120	1,005,000	42,000	570,000	1,536,120	680,000	1,509,600	5,342,720
81	F99	Rối loạn tâm thần không biệt định cách khác	60	797,000	42,000	395,000	2,586,420	680,000	754,800	5,255,220

STT	Mã bệnh	Tên mã bệnh	Mức chi phí khám, chữa bệnh theo mã bệnh							Tổng chi phí/ mã bệnh
			Tổng số ngày điều trị trung bình	Chi phí xét nghiệm	Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	Thuốc điều trị	Phục hồi chức năng	Chi phí khác	
1	2	3	5	7	8	9	10	13	15	16
82	G40	Động kinh	90	797,000	42,000	495,000	1,712,250	510,000	1,132,200	4,688,450

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

Số: 478 /STP-VBPQ

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người tâm thần tại bệnh viện ban ngày Mai Hương

Kính gửi: Sở Y tế Hà Nội

Sở Tư pháp tiến hành thẩm định đối với Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người tâm thần tại bệnh viện ban ngày Mai Hương theo đề nghị tại công văn số 4053/SYT-KH-TC ngày 23/10/2017 của Sở Y tế. Sau khi nghiên cứu dự thảo và các chứng tôi có ý kiến như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản:

- Phạm vi điều chỉnh của văn bản là quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người tâm thần tại bệnh viện ban ngày Mai Hương

- Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết: Tại khoản 2 Điều 3 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “*Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc áp dụng văn bản đó sau khi được ban hành”. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể đối tượng áp dụng Nghị quyết này gồm những tổ chức, cá nhân nào. Việc quy định đối tượng áp dụng là “khám chữa bệnh cho người bệnh tâm thần trên địa bàn thành phố Hà Nội” chưa xác định được cụ thể đối tượng áp dụng của Nghị quyết.

2. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo đối với hệ thống pháp luật

- Về căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết:

Tại Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “ Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực...”. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo lược bỏ các văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật tại phần căn cứ pháp lý (gồm Quyết định số 1387/QĐ-TTg; Công văn số 1131/BYT-KH-TC; Công văn số 1510/KCB-NV)

Đề nghị viết đầy đủ tên của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015

- Về thẩm quyền ban hành Nghị quyết:

Tại Điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định thì Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người tâm thần tại bệnh viện ban ngày Mai Hương là mức chi đặc thù của Hà Nội vì bệnh viện tâm thần Mai hương chỉ thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh ban trú (ban ngày). Thông tư số 36/2016/TT-BYT quy định việc thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc nuôi dưỡng người bệnh phong, bệnh tâm thần quy định danh mục bệnh và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc người bị bệnh tâm thần gồm 82 danh mục bệnh quy định mức chi/01 người bệnh/01 đợt điều trị 9 nội trú). Như vậy, việc Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người tâm thần tại bệnh viện ban ngày Mai Hương là phù hợp với thẩm quyền quy định tại Luật Ngân sách.

1. The first part of the document

2. The second part of the document

3. The third part of the document

4. The fourth part of the document

5. The fifth part of the document

6. The sixth part of the document

7. The seventh part of the document

8. The eighth part of the document

9. The ninth part of the document

10. The tenth part of the document

11. The eleventh part of the document

12. The twelfth part of the document

13. The thirteenth part of the document

14. The fourteenth part of the document

15. The fifteenth part of the document

16. The sixteenth part of the document

17. The seventeenth part of the document

18. The eighteenth part of the document

19. The nineteenth part of the document

20. The twentieth part of the document

21. The twenty-first part of the document

22. The twenty-second part of the document

23. The twenty-third part of the document

24. The twenty-fourth part of the document

25. The twenty-fifth part of the document

26. The twenty-sixth part of the document

27. The twenty-seventh part of the document

28. The twenty-eighth part of the document

29. The twenty-ninth part of the document

30. The thirtieth part of the document

31. The thirty-first part of the document

32. The thirty-second part of the document

33. The thirty-third part of the document

34. The thirty-fourth part of the document

35. The thirty-fifth part of the document

36. The thirty-sixth part of the document

37. The thirty-seventh part of the document

38. The thirty-eighth part of the document

39. The thirty-ninth part of the document

40. The fortieth part of the document

41. The forty-first part of the document

42. The forty-second part of the document

43. The forty-third part of the document

44. The forty-fourth part of the document

45. The forty-fifth part of the document

46. The forty-sixth part of the document

47. The forty-seventh part of the document

48. The forty-eighth part of the document

49. The forty-ninth part of the document

50. The fiftieth part of the document

51. The fifty-first part of the document

52. The fifty-second part of the document

53. The fifty-third part of the document

54. The fifty-fourth part of the document

55. The fifty-fifth part of the document

56. The fifty-sixth part of the document

57. The fifty-seventh part of the document

58. The fifty-eighth part of the document

- Khoản 3 Điều 1 dự thảo: về nguyên tắc xác định, đề nghị cơ quan soạn thảo đưa nội dung này vào Tờ trình vì không nằm trong phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.

- Về danh mục mức chi: Dự thảo quy định đủ 82 danh mục theo quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT. Mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người tâm thần tại bệnh viện ban ngày Mai Hương được căn cứ vào mức chi theo danh mục này. Về nguyên tắc mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người tâm thần tại bệnh viện ban ngày Mai Hương là chi cho điều trị bán trú (ban ngày) nên mức chi không được vượt quá mức chi Thông tư số 36/2016/TT-BYT (cả ngày và đêm). Tuy nhiên qua rà soát danh mục bệnh và mức chi tại dự thảo Nghị quyết, chúng tôi thấy mức chi đối với bệnh rối loạn cảm xúc lưỡng cực đang cao hơn so với quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT. Do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ mức chi này để Hội đồng nhân dân có cơ sở xem xét quyết định

- Mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người tâm thần tại bệnh viện ban ngày Mai Hương được căn cứ vào mức chi theo quy định tại Thông tư số 36/2016/TT-BYT. Tại Điều 2 Thông tư này quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định lựa chọn đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh phong, tâm thần để bổ sung đơn vị áp dụng thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư này. Trong tài liệu gửi thẩm định cũng dự thảo Tờ trình chúng tôi chưa thấy Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân văn bản giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh tâm thần đối với bệnh viện Mai Hương. Do vậy, đề nghị Sở Y tế khẩn trương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân văn bản quyết định giao nhiệm vụ khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc và nuôi dưỡng người bệnh tâm thần đối với bệnh viện Mai Hương để có cơ sở pháp lý cho việc thực hiện Nghị quyết.

3. Về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản

Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa dự thảo văn bản theo đúng quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy

định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (lưu ý cách trình bày tên Nghị quyết, căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết; bố cục lại Điều 1 dự thảo...)

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa các nội dung đảm bảo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, VBPO

phạm pháp luật
hành Nghị quyết; bố

Trên đây là ý kiến
đề nghị cơ quan soạn
quy định của pháp

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, VBPO

phạm pháp luật
hành Nghị quyết; bố

Trên đây là ý kiến
đề nghị cơ quan soạn
quy định của pháp

phạm pháp luật
hành Nghị quyết; bố

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Tân

với dự thảo văn bản,
đi đúng đảm bảo đúng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tân

với dự thảo văn bản,
đi đúng đảm bảo đúng

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Tân

với dự thảo văn bản,
đi đúng đảm bảo đúng

Số: ~~2452~~/TTrLS: TP-TC

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội



Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại văn bản số 1889/UBND-KT ngày 21/4/2017; trong đó, giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt quy định nội dung chi và mức chi cụ thể đối với công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Sau khi nghiên cứu, liên Sở: Tư pháp - Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố như sau:

I. Sự cần thiết ban hành văn bản:

Ngày 28/02/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 19/2017/TT-BTC quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành từ ngày 15/4/2017, theo đó Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

Để kịp thời triển khai Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính, đồng thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố; liên Sở: Tư pháp - Tài chính kính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng nhiều đối tượng tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính về công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. Nội dung cơ bản của Quy định:

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;
- Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;
- Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;
- Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh:

Cán bộ, công chức làm công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trực tiếp thực hiện việc kiểm tra đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố, UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

3. Nguyên tắc xây dựng

Xây dựng mức chi trên cơ sở quy định của Trung ương tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính và điều kiện thực tế của thành phố Hà Nội.

4. Đề xuất nội dung và mức chi:

- Đối với các nội dung chi, mức chi đã được Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, Quyết định của UBND Thành phố và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan quy định cụ thể: Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trường hợp quy định của Trung ương có sự thay đổi thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

- Tại Khoản 17 Điều 3 Thông tư số 19/2017/TT-BTC quy định chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, điểm d, Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC chỉ quy định mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng, mức chi tối đa là: 500.000 đồng/hồ sơ và theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 19/2017/TT-BTC thì HĐND cấp tỉnh được quyết định nội dung chi, mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định Điều 4 nêu trên.

Hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội có tính chất phức tạp, nhiều đối tượng vi phạm, vi phạm thuộc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước trong một hồ sơ vụ việc cần được kiểm tra, đối chiếu, thẩm định để đánh giá trước khi trình người có

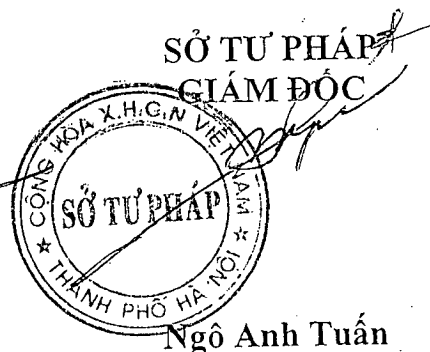
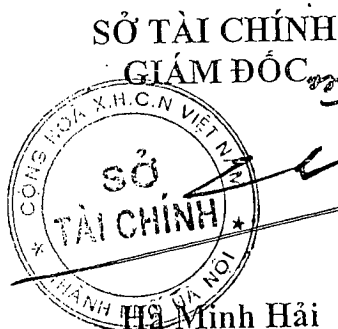
thẩm quyền quyết định. Do vậy, Liên Sở: Tư pháp – Tài chính kính báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quy định mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng theo mức tối đa (vượt 20%) theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 19/2017/TT-BTC số tiền là 600.000 đồng/01 hồ sơ.

Các nội dung khác không quy định tại Quy định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

5. Nguồn kinh phí:

Kinh phí thực hiện chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành.

Liên Sở: Tư pháp - Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Chủ tịch UBND Thành phố:
Lê Hồng Sơn, Nguyễn Doãn Toàn (để báo cáo);
- Lưu: TP, TC.

Ký: Hc Tấn.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2542/STP-XLVPHC&THPL
V/v giải trình dự thảo Nghị quyết về
quy định mức chi hỗ trợ trong công
tác xử lý vi phạm hành chính.

Hà Nội, ngày 8 tháng 10 năm 2017

01/11/2017 10:28 AM

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính, liên Sở Tư pháp – Tài chính đã có Tờ trình số 2452/TTrLS: TP-TC ngày 23/10/2017 đề nghị về việc trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định nội dung mức chi cụ thể theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Thông tư. Sở Tư pháp báo cáo và giải trình bổ sung các nội dung sau:

1. Về đối tượng được hưởng mức hỗ trợ:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 1, Khoản 17 Điều 3, Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC bao gồm: cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố

2. Về dự kiến kinh phí:

* Theo kết quả tổng hợp 04 năm thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (2014, 2015, 2016, 2017):

- Tổng số vụ vi phạm xử phạt vi phạm hành chính: 521.757 vụ việc, trong đó:

+ Tổng số tiền phạt thu được: 703.293.166.611 đồng;

+ Tổng số tiền thu được từ bán, thanh lý tang vật, phương tiện bị tịch thu: 92.235.660.211 đồng.

+ Tổng số hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính bị cưỡng chế thi hành: 759.

- Tổng số hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính: 2.239 hồ sơ đối với 2.239 đối tượng, trong đó:

+ Hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường thị trấn (thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã): 1674 hồ sơ;

+ Hồ sơ đề nghị Tòa án ra quyết định do các cơ quan: Công an lập hồ sơ đề nghị, Phòng Tư pháp kiểm tra tính pháp lý, Phòng Lao động thương binh và xã hội xem xét quyết định việc đề nghị Tòa án quyết định đối với 03 biện pháp: Đưa vào trường giáo dưỡng; Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc: 565 hồ sơ.

Như vậy, bình quân 01 năm các ngành các cấp trên địa bàn giải quyết 131.000 hồ sơ (trong đó: 130.440 hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và 560 hồ sơ áp dụng xử lý vi phạm hành chính).

* Theo Thông tư số 19/2017/TT-BTC, mức chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các tài liệu trong hồ sơ (xử phạt vi phạm hành chính; áp dụng các biện pháp xử lý hành chính) có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức (Khoản 17 Điều 3). Do trước khi Thông tư ban hành chưa có quy định về việc mức chi hỗ trợ như đã nêu trên nên chưa thống kê số vụ việc phức tạp, nhưng thông qua công tác theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong thời gian qua cho thấy số vụ việc có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức, phải tổ chức cưỡng chế thi hành... ước tính chiếm khoảng trên 5% (6.550 hồ sơ).

Dự kiến toàn thành phố (ngân sách của 03 cấp) chi hỗ trợ: 6.550 hồ sơ x 600.000đ/01 hồ sơ = 3.930.000.000 (Ba tỷ chín trăm ba mươi triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Cấp thành phố: 1900 hồ sơ x 600.000đ = 1.140.000đ

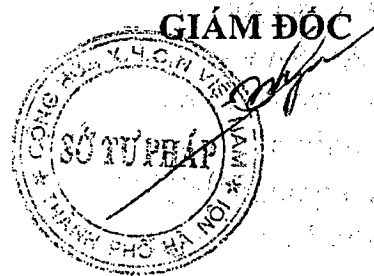
- Cấp huyện: 2300 hồ sơ x 600.000đ = 1.380.000đ

- Cấp xã: 2350 hồ sơ x 600.000đ = 1.410.000đ

Sở Tư pháp báo cáo UBND thành phố xem xét quyết định.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- Đ/c P. Giám đốc (để biết);
- Lưu: VT, XLVPHC&THPL, VB PQ.



Ngô Anh Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Signature Not Verified
Thời gian ký:
18/10/2017 15:21 PM

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2017

Số: 2411/STP-VBPQ

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

**Dự thảo Nghị quyết về nội dung, mức chi cho công tác
quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Sở Tài chính thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định tại Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Tư pháp tổ chức thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung và mức chi cụ thể đối với công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Thẩm quyền ban hành văn bản

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 6, Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính quy định thì căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều 4 Thông tư này. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Điều 4 Thông tư.

Như vậy, việc trình Hội đồng Nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định về nội dung và mức chi cụ thể đối với công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền.

2. Nội dung dự thảo Nghị quyết

Nội dung Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi hỗ trợ cho công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến nhiều đối tượng là phù hợp với quy định của tại Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính. Hội đồng tư vấn thẩm định thống nhất với mức chi quy định trong Dự thảo.

3. Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Từ những nội dung thẩm định nêu trên, Sở Tư pháp nhận thấy Dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung và mức chi cụ thể đối với công tác quản lý nhà nước về thi hành luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội là đủ điều kiện trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung và mức chi cụ thể đối với công tác quản lý nhà nước về thi hành luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội. /

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, VBPQ

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Tăng

TỜ TRÌNH

Về việc quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố tại Công văn số 3204/UBND-KT ngày 03/7/2017 về việc thực hiện Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính; trong đó giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp đơn vị liên quan xây dựng mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội. Sở Tài chính kính báo cáo UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUY ĐỊNH:

1. Mức chi công tác phí, chi hội nghị:

Thực hiện Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân đã trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2011 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị thay thế Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính. Trong đó, tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 14 quy định:

“2. Mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa làm căn cứ để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương lập dự toán chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương quy định các mức chi cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

06/7/2010 của Bộ Tài chính và Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 26/01/2011 của UBND Thành phố; gửi Sở Tài chính tổng hợp.

- **Bước 2:** Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, Sở Tài chính đã chủ trì tổng hợp, xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội.

- **Bước 3:** Sở Tài chính đã tổ chức thảo luận, lấy ý kiến trong nội bộ Sở Tài chính về nội dung các bản dự thảo về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội và có công văn xin góp ý của các đơn vị có liên quan về nội dung các bản dự thảo nêu trên (*Công văn số 6265/STC-TCHCSN ngày 02/10/2017*).

- **Bước 4:** Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các đơn vị, Sở Tài chính đã chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố, dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội và có Công văn gửi Sở Tư pháp thẩm định (*Công văn số 6528/STC-TCHCSN ngày 12/10/2017*).

- **Bước 5:** Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại *Công văn số 2403/STP-VBPQ ngày 17/10/2017*, Sở Tài chính đã hoàn thiện Tờ trình của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục:

Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội gồm 2 Điều, nội dung cụ thể như sau:

Điều 1: Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội, bao gồm các nội dung:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội.
- Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội.

Điều 2: Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản:

2.1. Căn cứ pháp lý:

- Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015.
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

+ Riêng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

2.3. Nguyên tắc xây dựng

- Xây dựng mức chi trên cơ sở quy định của Bộ Tài chính tại các Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

- Các mức chi theo phân cấp phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng cân đối ngân sách.

2.4. Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội:

2.4.1. Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị:

a. Về nội dung chi công tác phí, chi hội nghị:

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Về nội dung chi công tác phí bao gồm:

- + Chi phí đi lại.
- + Phụ cấp lưu trú.
- + Thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác.
- + Khoản tiền công tác phí theo tháng.

- Về nội dung chi hội nghị bao gồm:

+ Chi thuê hội trường trong những ngày tổ chức hội nghị (trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có địa điểm phải thuê hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu tham dự); thuê máy chiếu, trang thiết bị, phòng họp trực tiếp phục vụ hội nghị.

+ Chi tiền văn phòng phẩm phục vụ hội nghị; tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị.

+ Chi thù lao và các khoản công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên đối với hội nghị tập huấn nghiệp vụ, các lớp phổ biến, quán triệt triển khai cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước; chi bồi dưỡng người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị.

+ Tiền thuê phương tiện đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu.

+ Chi giải khát giữa giờ.

trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương; Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Sở Tài chính trình 02 phương án như sau:

Phương án 01: Thực hiện theo đúng quy định của Thông tư số 40/2017/TT-BTC, các chức danh lãnh đạo Thành phố được hưởng các chế độ trên bao gồm: Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố.

Phương án 02: Gồm các chức danh theo phương án 01. Ngoài ra, thành phố Hà Nội có các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp 1,2 gồm: Phó Chủ tịch HĐND Thành phố, Phó Chủ tịch UBND Thành phố, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy và hệ số phụ cấp 1,25 là Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội có hàm tương đương Thứ trưởng nhưng có hệ số phụ cấp thấp hơn (Thứ trưởng có hệ số phụ cấp 1,3). Căn cứ tình hình thực tế, Sở Tài chính kính trình UBND Thành phố trình HĐND Thành phố bổ sung các chức danh trên vào đối tượng được hưởng chế độ trên (ngoài các chức danh đã được hưởng theo đúng quy định tại Thông tư). Như vậy, các chức danh lãnh đạo Thành phố được hưởng các chế độ trên bao gồm: Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND Thành phố; Chủ tịch UBND Thành phố; Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; Phó Chủ tịch UBND Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy và Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

Sở Tài chính đề xuất lựa chọn phương án 02.

*** Nội dung 2:** Về thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hình thức khoán, mức khoán 1.000.000 đồng/ngày/người: Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định dành cho đối tượng: Lãnh đạo cấp Bộ trưởng, Thứ trưởng và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên.

Sở Tài chính trình 02 phương án như sau:

Phương án 01: Thực hiện theo đúng quy định của Thông tư số 40/2017/TT-BTC, các chức danh lãnh đạo Thành phố được hưởng chế độ trên bao gồm: Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố và Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị - Bí thư Thành ủy Hà Nội.

Phương án 02: Gồm các chức danh theo phương án 01. Ngoài ra, tương tự nội dung 01, Sở Tài chính đề xuất bổ sung thêm các chức danh: Phó Chủ tịch HĐND Thành phố, Phó Chủ tịch UBND Thành phố, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy vào đối tượng được hưởng chế độ trên (ngoài các chức danh đã được hưởng theo đúng quy định tại Thông tư). Như vậy, các chức danh lãnh đạo Thành phố được hưởng chế độ trên bao gồm: Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND Thành phố; Chủ tịch UBND Thành phố; Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; Phó Chủ tịch UBND Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy và Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

2.4.2. Quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài đối với hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class):

Theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính, hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class) dành cho cán bộ lãnh đạo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 Thông tư số 102/2012/TT-BTC, cụ thể:

“b) Cán bộ được hưởng Bảng lương chức vụ lãnh đạo của Nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/NQ – UBTVQH ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoặc cán bộ hưởng Bảng lương chức vụ lãnh đạo Đảng, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương ban hành kèm theo quyết định số 128-QĐ-TW ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Ban bí thư Trung ương có hệ số lương từ 9,7 trở lên.

c) Cán bộ lãnh đạo hưởng bảng lương theo Nghị quyết số 730/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 9 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; cán bộ hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo ban hành theo Quyết định số 128-QĐ-TW ngày 14 tháng 12 năm 2004, Quyết định số 275-QĐ/TW ngày 04 tháng 12 năm 2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng hoặc Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và Hướng dẫn số 05-HD/BTCTTW ngày 01 tháng 7 năm 2011 của Ban Tổ chức trung ương có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 1,3 trở lên, Bí thư thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh”.

Đối chiếu với quy định trên, thành phố Hà Nội có các chức danh lãnh đạo hưởng tiêu chuẩn này bao gồm: Phó Bí Thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố.

Nhằm đảm bảo sự thống nhất về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước và nước ngoài đối với hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class) dành cho các chức danh lãnh đạo Thành phố theo phương án đã đề xuất ở trên, Sở Tài chính đề xuất bổ sung các chức danh lãnh đạo Thành phố được hưởng tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài đối với hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class) (ngoài các chức danh đã được hưởng theo đúng quy định tại Thông tư) bao gồm: Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; Phó Chủ tịch UBND Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy và Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

(Chi tiết các mức chi theo Phụ lục đính kèm)

5. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện và dự kiến kinh phí thực hiện mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội

5.1. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được đảm bảo từ các nguồn:

**QUY ĐỊNH MỨC CHI CÔNG TÁC PHÍ, CHI HỘI NGHỊ VÀ MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ
ĐỐI VỚI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Tờ trình số ~~6701~~ /TTr-STC ngày ~~20~~ tháng ~~10~~ năm 2017 của Sở Tài chính)

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017. CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
A	QUY ĐỊNH MỨC CHI CÔNG TÁC PHÍ, CHI HỘI NGHỊ				
I	QUY ĐỊNH MỨC CHI CÔNG TÁC PHÍ				
1	Thanh toán tiền chi phí đi lại				
1.1	Thanh toán theo hóa đơn thực tế:	Theo giá ghi trên vé, hóa đơn mua vé hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện (không bao gồm chi phí phục vụ khác như: tham quan du lịch, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu). Riêng chứng từ thanh toán vé máy bay ngoài cước vé (hoặc vé điện tử) phải kèm theo thẻ lên máy bay.	Theo giá ghi trên vé, hoá đơn, chứng từ mua vé hợp pháp theo quy định của pháp luật, hoặc giấy biên nhận của chủ phương tiện; giá vé không bao gồm các chi phí dịch vụ khác như: Tham quan du lịch, các dịch vụ đặc biệt theo yêu cầu. Riêng trường hợp vé máy bay không bao gồm cước hành lý thì người đi công tác được thanh toán cước hành lý theo đơn giá cước hành lý của chuyến đi và khối lượng hành lý được mang theo của loại vé thông thường khác (là vé đã bao gồm cước hành lý mang theo).		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
a	Người đi công tác được thanh toán tiền chi phí đi lại bao gồm:				
-	Chi phí chiều đi và về từ nhà hoặc cơ quan đến sân bay, ga tàu, bến xe, vé máy bay, vé tàu xe, xe vận tải công cộng đến nơi công tác và theo chiều ngược lại				
-	Chi phí đi lại tại địa phương nơi đến công tác: Từ chỗ nghỉ đến chỗ làm việc, từ sân bay, ga tàu, bến xe về nơi nghỉ (lượt đi và lượt về).				
-	Cước, phí đi chuyển bằng phương tiện đường bộ, đường thủy, đường biển cho bản thân và phương tiện của người đi công tác.				

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
-	Cước tải liệu, thiết bị, dụng cụ, đạo cụ (nếu có) phục vụ trực tiếp cho chuyển đi công tác mà người đi công tác đã chi trả				
-	Cước hành lý của người đi công tác bằng phương tiện máy bay trong trường hợp giá vé không bao gồm cước hành lý mang theo	không quy định			
-	Trường hợp cơ quan, đơn vị nơi cử người đi công tác và cơ quan, đơn vị nơi đến công tác đã bố trí phương tiện vận chuyển thì người đi công tác không được thanh toán các khoản chi phí này.				
b	Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, căn cứ tính chất công việc của chuyển đi công tác và trong phạm vi nguồn kinh phí được giao; thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét duyệt cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được đi công tác bằng phương tiện máy bay, tàu hỏa, xe ô tô hoặc phương tiện công cộng hoặc các phương tiện khác bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.				
c	Quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước:				
-	Lãnh đạo cấp cao nhà nước: Bí thư Thành ủy	không quy định	Thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước.		Thực hiện theo quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cao cấp.

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
	Hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class)	Chủ tịch HĐND Thành phố, chủ tịch UBND Thành phố và các chức danh tương đương.	Cán bộ lãnh đạo hướng bằng lương chức vụ lãnh đạo, hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH ngày 30/9/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bằng lương chức vụ, bằng phụ cấp chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo của nhà nước; bằng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, ngành Kiểm sát, Quyết định số 128-QĐ-TW ngày 14/12/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan, Đảng, Mặt trận và các đoàn thể hoặc Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, gồm: Bộ trưởng và các chức danh tương đương; Thủ trưởng và cán bộ lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,3 trở lên; Phó trưởng các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương; Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.)		- <i>Phương án 01:</i> Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố. - <i>Phương án 02:</i> Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban thường vụ Thành ủy; Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội. *Sở Tài chính đề xuất lựa chọn phương án 02.
	Hạng ghế thường	Các chức danh cán bộ, công chức còn lại	Các chức danh cán bộ, công chức còn lại		Thực hiện theo quy định Thông tư 40/2017/TT-BTC
d	Đối với những vùng không có phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách theo quy định của pháp luật mà người đi công tác phải thuê phương tiện vận tải khác.	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét quyết định cho thanh toán tiền thuê phương tiện mà người đi công tác đã thuê trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó cho phù hợp).	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét quyết định cho thanh toán tiền thuê phương tiện mà người đi công tác đã thuê trên cơ sở hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó cho phù hợp).		Thực hiện theo quy định Thông tư 40/2017/TT-BTC
1.2	Thanh toán khoản kinh phí sử dụng ô tô khi đi công tác, khoản tiền tự túc phương tiện đi công tác:				

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
a	Đối với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác.	không quy định	Mức thanh toán khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC và quy định của Thành phố.
b	Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện	Mức thanh toán tiền tự túc phương tiện được tính theo số km thực tế đi nhân với đơn giá khoán (bao gồm tiền nhiên liệu và khấu hao xe).	Thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.		Áp dụng mức thanh toán tối đa theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
2	Phụ cấp lưu trú: Phụ cấp lưu trú là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác).	150.000 đồng/ ngày.	Tối đa không quá 200.000 đồng/ ngày.		Áp dụng mức thanh toán tối đa theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
-	Trường hợp đi công tác trong ngày (đi và về trong ngày):	Tối đa không quá 150.000 đồng/ ngày.	Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức phụ cấp lưu trú theo các tiêu chí: Căn cứ theo số giờ thực tế đi công tác trong ngày, theo thời gian phải làm ngoài giờ hành chính (bao gồm cả thời gian đi trên đường), quãng đường đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
-	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ chi bồi dưỡng khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.	200.000 đồng/ người/ ngày	Tối đa 250.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo.		Áp dụng mức thanh toán tối đa theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
3	Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác				
3.1	Lãnh đạo cấp cao nhà nước: Bí thư Thành ủy	Không quy định	Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.		Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
3.2	Thanh toán theo hình thức khoán:				
a	Mức khoán 1.000.000 đồng/ngày/người.		Lãnh đạo cấp Bộ trưởng, Thứ trưởng và các chức danh lãnh đạo có hệ số 1,25 trở lên.		- <i>Phương án 01</i> : Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch HĐND Thành phố; Chủ tịch UBND Thành phố; Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội. - <i>Phương án 02</i> : Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban thường vụ Thành ủy; Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội. * Sở Tài chính đề xuất lựa chọn phương án 02.
b	Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:				
-	Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh	Mức khoán: 350.000 đồng/ người/ ngày	Mức khoán tối đa 450.000 đồng/ngày/ người.		Áp dụng mức khoán tối đa theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
-	Đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh	Mức khoán: 250.000 đồng/ người/ ngày	Mức khoán tối đa 350.000 đồng/ngày/người		Áp dụng mức khoán tối đa theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
-	Đi công tác tại các vùng còn lại	Mức khoán: 200.000 đồng/ người/ ngày	Mức khoán tối đa 300.000 đồng/ngày/người		Áp dụng mức khoán tối đa theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
3.2	Thanh toán theo hoá đơn thực tế				

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
a	2.500.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng, không phân biệt nơi đến công tác	Chủ tịch HĐND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố và các chức danh tương đương.	Lãnh đạo cấp Bộ trưởng và các chức danh tương đương.		Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố, Chủ tịch UBND Thành phố.
b	1.200.000 đồng/ngày/người/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/1 phòng: đi công tác tại các quận, thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh	Đối với các đối tượng lãnh đạo có hệ số chức vụ từ 1,25 đến 1,3 của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các chức danh tương đương thuộc cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.	Thứ trưởng và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3		Phương án 01: Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội. Phương án 02: Đề nghị áp dụng mức chi cho các chức danh: Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; Phó Chủ tịch UBND Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội. * Sở Tài chính đề xuất lựa chọn phương án 02.
c	1.100.000 đồng/ngày/người/phòng theo tiêu chuẩn 01 người/1 phòng: đi công tác tại các vùng còn lại	Đối với các đối tượng lãnh đạo có hệ số chức vụ từ 1,25 đến 1,3 của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và các chức danh tương đương thuộc cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.	Thứ trưởng và các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3		Phương án 01: Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội. Phương án 02: Đề nghị áp dụng mức chi cho các chức danh: Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; Phó Chủ tịch UBND Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy; Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội. * Sở Tài chính đề xuất lựa chọn phương án 02.
d	Đối với các đối tượng còn lại				
-	Đi công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại 1 thuộc tỉnh	Mức tối đa không quá 900.000 đồng/ ngày/ phòng. Tiêu chuẩn 2 người/ phòng	Tối đa là 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/1 phòng.		Áp dụng mức chi tối đa quy định tại TT 40/2017/TT-BTC
-	Đi công tác tại các vùng còn lại	Mức tối đa không quá 600.000 đồng/ ngày/ phòng. Tiêu chuẩn 2 người/ phòng	Tối đa là 700.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.		Áp dụng mức chi tối đa quy định tại TT 40/2017/TT-BTC
e	Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác một mình hoặc đoàn công tác có lẻ người hoặc lẻ người khác giới, thì được thuê phòng riêng.	Được thuê phòng riêng theo mức giá thuê phòng trực tiếp nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/ phòng).	Mức giá thuê phòng thực tế nhưng tối đa không được vượt mức tiền thuê phòng của những người đi cùng đoàn (theo tiêu chuẩn 2 người/phòng)		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
g	Trường hợp người đi công tác thuộc đối tượng thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng đi công tác cùng đoàn với các chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn thuê phòng khách sạn 1 người/phòng.	Được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng Standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.	Được thanh toán theo mức giá thuê phòng thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (phòng Standard) tại khách sạn nơi các chức danh lãnh đạo nghỉ và theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
3.3	<i>Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hỏa, ô tô) từ 18h đến 24h cùng ngày</i>	không quy định	Được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) tối đa bằng 50% mức thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán khoản tiền khoán thuê phòng nghỉ trong thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác.		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
4	Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng				
a	Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng (như: Văn thư; kế toán giao dịch và các nhiệm vụ phải thường xuyên đi công tác lưu động khác) Tuỳ theo đối tượng, đặc điểm công tác và khả năng kinh phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định mức khoán tiền công tác phí theo tháng cho người đi công tác lưu động để hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe	Mức khoán tối đa 300.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.	Mức khoán tối đa 500.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.		Áp dụng mức khoán tối đa theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
b	Các đối tượng được hưởng khoán tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể	Được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại mục 1, 2, 3 nêu trên; đồng thời vẫn được hưởng khoán tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.	Được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại mục 1, 2, 3 nêu trên; đồng thời vẫn được hưởng khoán tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
5	Đi công tác theo đoàn công tác phối hợp liên ngành, liên cơ quan				

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
5.1	Trường hợp cơ quan, đơn vị có nhu cầu trưng tập cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc cơ quan, đơn vị khác đi phối hợp công tác liên ngành nhằm thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị đó; trưng tập tham gia các đề tài nghiên cứu cơ bản	Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí cho đoàn công tác gồm: Tiền chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác theo mức chi quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì.	Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí cho đoàn công tác gồm: Tiền chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác theo mức chi quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì.		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
5.2	Trường hợp đi công tác theo đoàn phối hợp liên ngành, liên cơ quan do thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cấp trên triệu tập trưng dụng hoặc phối hợp để cùng thực hiện các phần việc thuộc nhiệm vụ chính trị của mỗi cơ quan, đơn vị	Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền tàu xe đi lại và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc (nếu có) cho người đi công tác trong đoàn.	Cơ quan, đơn vị chủ trì đoàn công tác chịu trách nhiệm chi tiền chi phí đi lại cho người đi công tác trong đoàn.		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
-	Trường hợp các cá nhân thuộc thành phần đoàn công tác không đi tập trung theo đoàn đến nơi công tác	Cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán tiền tàu xe đi lại và cước hành lý, tài liệu mang theo để làm việc (nếu có) cho người đi công tác. Ngoài ra, cơ quan, đơn vị cử người đi công tác có trách nhiệm thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác	Cơ quan, đơn vị cử người đi công tác thanh toán tiền chi phí đi lại cho người đi công tác. Ngoài ra, cơ quan, đơn vị cử người đi công tác có trách nhiệm thanh toán tiền phụ cấp lưu trú, tiền thuê phòng nghỉ cho người thuộc cơ quan mình cử đi công tác		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
II	NỘI DUNG, MỨC CHI HỘI NGHỊ				
1	Chi thuê hội trường trong những ngày tổ chức hội nghị (trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có địa điểm phải thuê hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu tham dự); thuê máy chiếu, trang thiết bị, phòng họp trực tiếp phục vụ hội nghị	Theo thực tế	Theo thực tế		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
2	Chi tiền văn phòng phẩm phục vụ hội nghị; tài liệu, văn phòng phẩm phát cho đại biểu tham dự hội nghị	Theo thực tế	Theo thực tế		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
3	Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị	Thực hiện theo mức chi thù lao quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.	Thực hiện theo mức chi thù lao quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC và quy định của thành phố Hà Nội
4	Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên	không quy định	Cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
5	Tiền thuê phương tiện đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp trong trường hợp cơ quan, đơn vị không có phương tiện hoặc có nhưng không đáp ứng được số lượng đại biểu	Theo thực tế	Theo thực tế		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
6	Chi giải khát giữa giờ	30.000 đồng/ ngày (2 buổi)/ đại biểu.	Tối đa 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.		Áp dụng mức chi tối đa theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.
7	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:				
a	Cuộc họp tổ chức tại các quận nội thành thành phố Hà Nội.	150.000 đồng/ ngày/ người	Tối đa 200.000 đồng/ ngày/ người		Áp dụng mức chi tối đa theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.
b	Cuộc họp tổ chức tại các huyện, thị xã.	100.000 đồng/ ngày/ người	Tối đa 150.000 đồng/ ngày/ người		Áp dụng mức chi tối đa theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.
c	Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức):	60.000 đồng/ ngày/ người	Tối đa 100.000 đồng/ ngày/ người		Áp dụng mức chi tối đa theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.
8	Trong trường hợp phải tổ chức ăn tập trung:				

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
	Đối với khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: mức khoán nêu trên không đủ chi phí, thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị căn cứ tính chất từng cuộc họp và trong phạm vi nguồn ngân sách được giao quyết định mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp cao hơn mức khoán bằng tiền.	Tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền nêu trên	Tối đa không vượt quá 130% mức khoán bằng tiền tại mục 7 phần II nêu trên.		Áp dụng mức chi tối đa theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.
	Đối với đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	Thực hiện thu tiền ăn từ tiền công tác phí của đại biểu hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị và được phép chi bù thêm phần chênh lệch (giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu này)	Thực hiện thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú theo mức tối đa bằng mức phụ cấp lưu trú quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị chủ trì hội nghị và được phép chi bù thêm phần chênh lệch (giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu này)		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
9	Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	Thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế theo mức chi quy định.	Thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế theo mức chi quy định tại khoản 3 phần I nêu trên.		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
10	Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	Theo mức thanh toán khoán hoặc theo hoá đơn thực tế quy định về chế độ công tác phí	Thực hiện theo quy định tại khoản 1 phần I nêu trên		Thực hiện theo quy định của Thông tư 40/2017/TT-BTC.
B	QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN MUA VÉ MÁY BAY ĐI CÔNG TÁC NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI HẠNG GHÉ THƯƠNG GIA (BUSINESS CLASS HOẶC C CLASS)				

	NỘI DUNG/MỨC CHI	QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 08/2011/QĐ-UBND NGÀY 26/01/2011 CỦA UBND THÀNH PHỐ	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 40/2017/TT-BTC NGÀY 28/4/2017 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ SỐ 102/2012/TT-BTC NGÀY 21/6/2012 CỦA BỘ TÀI CHÍNH	ĐỀ XUẤT CỦA THÀNH PHỐ
	Hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class)			Cán bộ được hưởng Bảng lương chức vụ lãnh đạo của Nhà nước ban hành kèm theo Nghị quyết số 730/NQ – UBTVQH ngày 30/9/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoặc cán bộ hưởng Bảng lương chức vụ lãnh đạo Đảng, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương ban hành kèm theo quyết định số 128-QĐ-TW ngày 14/12/2004 của Ban bí thư Trung ương có hệ số lương từ 9,7 trở lên. Cán bộ lãnh đạo hưởng bảng lương theo Nghị quyết số 730/NQ-UBTVQH ngày 30/9/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; cán bộ hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo ban hành theo Quyết định số 128-QĐ-TW ngày 14/12/2004, Quyết định số 275-QĐ/TW ngày 04/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng hoặc Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004, Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07/3/2012 của Chính phủ và Hướng dẫn số 05-HD/BTCTTW ngày 01/7/2011 của Ban Tổ chức trung ương có hệ số phụ cấp lãnh đạo từ 1,3 trở lên, Bí thư thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội; Ủy viên Ban thường vụ Thành ủy; Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội.

BÁO CÁO TIẾP THU Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP

Dự thảo Nghị quyết về việc quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Tờ trình số ~~139~~ /TTr-STC ngày ~~20~~ tháng ~~10~~ năm 2017 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
1	Tên gọi dự thảo	Tên gọi của dự thảo Nghị quyết là "về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố". Tuy nhiên, nội dung Điều 1, tên gọi của Phụ lục, nội dung phạm vi điều chỉnh được quy định tại phần Phụ lục và tên gọi của Tờ trình lại là: Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
2	Phần Phụ lục		
2.1	Đối tượng áp dụng	Cơ quan soạn thảo không nên quy định riêng đối với tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài, những đối tượng dự thảo liệt kê là những cán bộ của Thành phố. Mục 1 quy định áp dụng chế độ công tác phí đã bao gồm cán bộ, công chức, viên chức... do đó, nên quy định ngắn gọn đối tượng áp dụng chế độ công tác phí.	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
2.2	Về mức chi công tác phí		
		Điểm a.3 dự thảo quy định "Lãnh đạo cấp cao nhà nước... thực hiện theo quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cấp cao" đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại tính chính xác số Quyết định và tên gọi của Quyết định này.	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: Sở Tài chính đã nghiên cứu và dẫn chiếu đúng theo quy định của nhà nước đối với một số chế độ chính sách đối với cán bộ cấp cao được quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
		Đối với các đối tượng là Chủ tịch UBND, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó chủ tịch HĐND, UBND Thành phố là lãnh đạo cấp cao của Thành phố. Do đó, việc đề xuất mức chi công tác phí như trong dự thảo để đảm bảo thống nhất chung là hợp lý. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần giải trình rõ trong tờ trình việc vận dụng mức chi công tác phí, chi hội nghị cho các đối tượng nêu trên căn cứ vào khoản 3 Điều 14 Thông tư 40/2017/TT-BTC.	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
		Điểm c mục 1.1.3 thanh toán theo hóa đơn thực tế: Dự thảo quy định: " trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản a mục này..." tuy nhiên, "khoản a mục này" trong dự thảo quy định thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác đối với chức danh lãnh đạo cấp cao là Bí thư Thành ủy chứ không quy định thanh toán theo hình thức khoán. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại.	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
		Điểm b.1: dự thảo quy định "đối với chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng ô tô khi đi công tác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí... và Quyết định 1215/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND Thành phố..." Tuy nhiên, Quyết định 1215/QĐ-UBND là Quyết định cá biệt thí điểm không mang tính chất ổn định lâu dài. Để đảm bảo tính ổn định, lâu dài của Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo nên dẫn chiếu chung chung là thực hiện theo Quyết định của UBND Thành phố về việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô tại cơ quan đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
		Tương tự điểm b.1, tại điểm a mục 1.1.2 mức chi tổ chức hội nghị, cơ quan soạn thảo xem xét việc viện dẫn tới Quyết định 18/2012/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND Thành phố.	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
2.3	Quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài đối với hạng ghế thương gia	Cơ quan soạn thảo nên gộp nội dung này vào điểm a.3 mục 1.1 quy định mức chi công tác phí và nghiên cứu tên gọi chung của điểm a.3 khi quy định gộp tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong và ngoài nước.	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: nội dung quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài hạng ghế thương gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư 40/2017/TT-BTC. Do đó, Sở Tài chính tách riêng để quy định rõ hai nội dung này.
2.4	Kỹ Thuật trình bày văn bản		
	Căn cứ pháp lý	Đề nghị cơ quan soạn thảo viết đầy đủ số, năm ban hành văn bản.	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
		Liệt kê các căn cứ pháp lý: đề nghị cơ quan soạn thảo sắp xếp lại các căn cứ liên quan đến Luật Ngân sách nhà nước trước sau đó đến các căn cứ khác. Cụ thể: Luật ngân sách nhà nước, Nghị định 163/2016/NĐ-CP, Thông tư 342/2016/TT-BTC...	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
		Theo quy định tại Khoản 1, Điều 75 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật khi viện dẫn văn bản có liên quan phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên gọi cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung quy định tại phần phụ lục để thực hiện đúng với quy định.	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.

STT	Nội dung thẩm định	Ý kiến thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
	Bố cục dự thảo	Cơ quan soạn thảo nên quy định trực tiếp nội dung, mức chi công tác phí, chi hội nghị không nên để phụ lục đính kèm như trong dự thảo để đảm bảo tính pháp lý cáo của văn bản. Đồng thời nghiên cứu Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ để bố cục lại các phần trong dự thảo, không nên chia nhỏ các mục và gạch đầu dòng quá nhiều để khi văn bản được ban hành có hiệu lực thi hành dễ thực hiện.	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: '-Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Công văn số 4931/UBND -TH ngày 09/10/2017 về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp cuối năm 2017 của HĐND Thành phố, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về 04 cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố. Do đó, Sở Tài chính đã dự thảo quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số nội dung đặc thù khác đối với các cơ quan đơn vị thuộc thành phố Hà Nội theo hình thức phụ lục đính kèm Nghị Quyết của HĐND Thành phố. '- Sở Tài chính nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa ý kiến của Sở Tư pháp, dự thảo phần phụ lục Quy định theo mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP. '- Đối với các nội dung chi trong quy định, vì Thông tư 40/2017/TT-BTC quy định rất rõ và chi tiết mức chi tương ứng với các nội dung cụ thể. Do đó, Sở Tài chính cũng đã dự thảo quy định các mức chi tương ứng với các nội dung quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.

TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý VÀ GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN

Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội

(Kèm theo Tờ trình số 6731 /TTr-STC ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
I	Tổng nhất nội dung Dự thảo		UBND huyện Mê Linh	
			Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP	
			Thị xã Sơn Tây	
			Trường Cao đẳng Nghệ thuật	
			Sở Tài nguyên và Môi trường	
			UBND quận Cầu Giấy	
			UBND quận Ba Đình	
			UBND huyện Ba Vì	
			UBND huyện Thanh trì	
			UBND quận Nam Từ Liêm	
			UBND quận Tây Hồ	
			Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong	
			UBND thị xã Sơn Tây	
			UBND quận Hai Bà Trưng	
			Sở Du lịch	
			UBND huyện Thường tín	
			Sở Ngoại vụ	
			Sở Văn hóa và Thể thao	
			Hội Luật Gia Thành phố	
II	Góp ý trực tiếp nội dung Dự thảo			
1	Tên Nghị quyết			
		Tên gọi của dự thảo Nghị quyết là "về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố". Tuy nhiên, nội dung Điều 1, tên gọi của Phụ lục, nội dung phạm vi điều chỉnh được quy định tại phần Phụ lục và tên gọi của Tờ trình lại là: Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
2	Phần Căn cứ pháp lý			
-		Đối với các văn bản pháp lý viện dẫn, đề nghị Cơ quan soạn thảo ghi đầy đủ ngày... tháng.... năm và in nghiêng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
-		Đề nghị cơ quan soạn thảo viết đầy đủ số, năm ban hành văn bản.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
		Theo quy định tại Khoản 1, Điều 75 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật khi viện dẫn văn bản có liên quan phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên gọi cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung quy định tại phần phụ lục để thực hiện đúng với quy định.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
3	Điều 1			
	Điều 2			
-	Khoản 1	Đề nghị cơ quan soạn thảo hoàn thiện lại như sau: " <i>Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 21/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của HĐND Thành phố</i> " vì Quyết định 08/2011/QĐ-UBND của UBND Thành phố ban hành ngày 26/01/2011 là đề cụ thể hóa Nghị quyết 21/2010/NQ-HĐND, không phải do HĐND ban hành.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
4	Phụ lục: Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với cơ quan đơn vị của thành phố Hà Nội			
4.1	Phạm vi điều chỉnh			
4.2	Đối tượng áp dụng			
		Mục 2. Đối với chế độ bồi nghị, đề nghị bổ sung đối với Hội nghị Ban chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy theo hướng dẫn số 26-HD/VPTW ngày 08/6/2017 của Văn phòng Trung ương về công tác phục vụ hội nghị ban chấp hành, ban Thường vụ Thành ủy, tỉnh ủy	Văn phòng Thành ủy	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: về đối tượng áp dụng trong dự thảo đã quy định: " Riêng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền." Do đó, đối với những hội nghị của Ban chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.
		Mục 3. Đối với quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài chưa quy định đối với cán bộ, công chức đi theo đoàn. Do vậy đề nghị bổ sung đối tượng cho đầy đủ	Văn phòng Thành ủy	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: Dự thảo chỉ quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài hạng Thương gia và đề xuất bổ sung các chức danh: Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; Phó Chủ tịch UBND Thành phố; Ủy viên Thường vụ Thành ủy; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và Trợ lý Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội được hưởng tiêu chuẩn này. Đối với các đối tượng khác thực hiện theo quy định tại Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
4.3	Quy định mức chi cụ thể			
-	Về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước, đối với hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class);	Chọn phương án 02	Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Văn hóa và Thể thao Thị xã Sơn Tây Trường Cao đẳng Nghệ thuật Sở Y tế UBND quận Nam Từ Liêm UBND huyện Quốc Oai UBND quận Tây Hồ UBND thị xã Sơn Tây Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP UBND quận Hai Bà Trưng Sở Ngoại vụ UBND huyện Thường tín Hội Luật Gia Thành phố	
-	Về thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hình thức khoán, mức khoán 1.000.000 đồng/ngày/người	Chọn phương án 02	Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Văn hóa và Thể thao Thị xã Sơn Tây Trường Cao đẳng Nghệ thuật Sở Y tế UBND thị xã Sơn Tây UBND quận Nam Từ Liêm UBND huyện Quốc Oai Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP UBND quận Tây Hồ UBND quận Hai Bà Trưng UBND huyện Thường tín Sở Ngoại vụ Hội Luật Gia Thành phố	
-	Về thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hóa đơn thực tế, mức 1.200.000 đồng/ngày/phòng khi đi công tác tại các quận, thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại 1 thuộc tỉnh	Chọn phương án 02	Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Văn hóa và Thể thao Thị xã Sơn Tây Trường Cao đẳng Nghệ thuật Sở Y tế UBND thị xã Sơn Tây UBND quận Nam Từ Liêm UBND huyện Quốc Oai Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP UBND quận Tây Hồ UBND quận Hai Bà Trưng UBND huyện Thường tín Sở Ngoại vụ Hội Luật Gia Thành phố	
			Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Văn hóa và Thể thao Thị xã Sơn Tây Sở Y tế	

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
	Về thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hóa đơn thực tế, mức 1.100.000 đồng/ngày/phòng khi đi công tác tại các vùng còn lại	Chọn phương án 02	Trường Cao đẳng Nghệ thuật UBND quận Nam Từ Liêm UBND huyện Quốc Oai UBND thị xã Sơn Tây UBND quận Tây Hồ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc TP UBND quận Hai Bà Trưng UBND huyện Thường tín Sở Ngoại vụ Hội Luật Gia Thành phố	
	Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác theo hóa đơn thực tế	Điểm c mục 1.1.3 thanh toán theo hóa đơn thực tế: Dự thảo quy định: " trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản a mục này..." tuy nhiên, "khoản a mục này" trong dự thảo quy định thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác đối với chức danh lãnh đạo cấp cao là Bí thư Thành ủy chứ không quy định thanh toán theo hình thức khoán. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
	Các nội dung chi khác	Nhất trí với Dự thảo	Sở Văn hóa và Thể thao Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Y tế	
4.4	Các nội dung khác			
		Điểm a.3 dự thảo quy định "Lãnh đạo cấp cao nhà nước... thực hiện theo quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cấp cao" đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại tính chính xác số Quyết định và tên gọi của Quyết định này.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: Sở Tài chính đã nghiên cứu và dẫn chiếu đúng theo quy định của nhà nước đối với một số chế độ chính sách đối với cán bộ cấp cao được quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ.
		Đối với các đối tượng là Chủ tịch UBND, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó chủ tịch HĐND, UBND Thành phố là lãnh đạo cấp cao của Thành phố. Do đó, việc đề xuất mức chi công tác phí như trong dự thảo để đảm bảo tính thống nhất chung là hợp lý. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần giải trình rõ trong tờ trình việc vận dụng mức chi công tác phí, chi hội nghị cho các đối tượng nêu trên căn cứ vào khoản 3 Điều 14 Thông tư 40/2017/TT-BTC.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
		Nội dung và mức chi hội nghị tại dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết chưa có nội dung tại Điều 11 Thông tư số 40/2017/TT-BTC về các khoản chi khác: chi làm thêm giờ, mua thuốc chữa thông thường, trang trí hội trường và các khoản chi liên quan trực tiếp đến công tác tổ chức hội nghị.	Sở Y tế	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: Nghị quyết chỉ quy định mức chi cụ thể trên cơ sở mức chi tối đa tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính. Các nội dung các khoản chi khác không có quy định mức chi tối đa sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành.

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
		Theo điểm b, Khoản 3 Điều 12 Thông tư 07/2014/TT-BNV quy định: "chức danh tương đương thứ trưởng, phó Trưởng ban Đảng, Phó Trưởng đoàn thể Trung ương gồm:... Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh". Như vậy không có chức danh Chủ tịch UB MTTQ Thành phố. Đề nghị Sở Tài chính xem xét lại.	UBND huyện Thường tín	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: theo quy định tại Quyết định số 128/QĐ-TW ngày 14/12/2004 về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan Đảng, Mặt trận và các đoàn thể quy định Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội có hệ số phụ cấp 1.2 tương đương với hệ số phụ cấp của Phó Chủ tịch UBND Thành phố, Phó chủ tịch HĐND Thành phố. Do đó, Sở Tài chính đề xuất bổ sung chức danh Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội được hưởng các mức chi theo các nội dung 1,2,3,4 như trong Dự thảo đề xuất. Thông tư 07/2014/TT-BNV chỉ là Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.
		Để đảm bảo tính linh hoạt cũng như phù hợp với tình hình thực tế công tác quản lý ngân sách cho các cơ quan đơn vị, UBND huyện Thường tín đề nghị Sở Tài chính xem xét, bổ sung vào dự thảo nội dung: "Mức chi tiêu công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan đơn vị sự nghiệp công lập được áp dụng không quá mức chi tối đa quy định này. Tùy vào khả năng ngân sách đơn vị được giao hàng năm, Thủ trưởng cơ quan đơn vị quyết định nội dung, mức chi cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định"	UBND huyện Thường tín	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: mức chi quy định tại Nghị quyết này được áp dụng cho cả các đơn vị sự nghiệp, tùy theo mức độ tự chủ, các đơn vị thực hiện chi theo quy định về chế độ tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.
		Đề nghị bổ sung các đối tượng: chức danh trợ lý Ủy viên bộ chính trị, Bí Thư Thành ủy ở tất cả các mục chi a.3; b.1, c.2 - gạch đầu dòng thứ nhất; c.3- gạch đầu dòng thứ nhất và mục 2. Nguyên nhân, đồng chí Trợ lý theo Quyết định bổ nhiệm là hàm Thứ trưởng, phụ cấp chức vụ 1.25.	Văn phòng Thành ủy	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
		Sỹ quan bảo vệ tiếp cận đồng chí Ủy viên Bộ chính trị, Bí Thư Thành ủy theo Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cấp cao. Nguyên nhân, Điều 4, mục 4, điểm c quy định "Sỹ quan bảo vệ tiếp cận mua vé cùng khoang với cán bộ cấp cao."	Văn phòng Thành ủy	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: đối với Sỹ quan bảo vệ tiếp cận đồng chí Ủy viên Bộ chính trị, Bí Thư Thành ủy đã được quy định cụ thể tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cấp cao.
		Đề xuất các chức danh lãnh đạo được hưởng tiêu chuẩn thuê 01 người/ 01 phòng có tiện nghi đảm bảo chất lượng (phòng Superior) gồm: Phó chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND, Chủ tịch MTTQ, Ủy viên Thường vụ Thành ủy	Sở Ngoại vụ	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: nội dung thuê phòng ngủ khi đi công tác nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của quy định này do đó thực hiện theo quy định tại Thông tư 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012.
5	Bổ cục dự thảo			

STT	Nội dung Dự thảo	Nội dung góp ý Dự thảo	Đơn vị	Giải trình tiếp thu ý kiến góp ý
-		Cơ quan soạn thảo nên quy định trực tiếp nội dung, mức chi công tác phí, chi hội nghị không nên đề phụ lục đính kèm như trong dự thảo để đảm bảo tính pháp lý cáo của văn bản. Đồng thời nghiên cứu Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ để bổ cục lại các phần trong dự thảo, không nên chia nhỏ các mục và gạch đầu dòng quá nhiều để khi văn bản được ban hành có hiệu lực thi hành dễ thực hiện.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên nội dung này. Lý do: '-Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Công văn số 4931/UBND - TH ngày 09/10/2017 về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp cuối năm 2017 của HĐND Thành phố, trong đó giao Sở Tài chính chủ trì tổng hợp báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết về 04 cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố. Do đó, Sở Tài chính đã dự thảo quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số nội dung đặc thù khác đối với các cơ quan đơn vị thuộc thành phố Hà Nội theo hình thức phụ lục đính kèm Nghị Quyết của HĐND Thành phố. '- Sở Tài chính nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa ý kiến của Sở Tư pháp, dự thảo phần phụ lục Quy định theo mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị định 34/2016/NĐ-CP. '- Đối với các nội dung chi trong quy định, vì Thông tư 40/2017/TT-BTC quy định rất rõ và chi tiết mức chi tương ứng với các nội dung cụ thể. Do đó, Sở Tài chính cũng đã dự thảo quy định các mức chi tương ứng với các nội dung quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC.
5	Các nội dung khác			
-		Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát các cụm từ HĐND, UBND, trong dự thảo viết đầy đủ Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.
		Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật khi viện dẫn văn bản có liên quan phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày tháng năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản, tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung quy định tại phần phụ lục để thực hiện đúng với quy định.	Sở Tư pháp	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa.

* Ghi chú: Sở Tài chính có Công văn số 6265/STC-TCHCSN ngày 02/10/2017 gửi các sở, ban, ngành, đoàn thể và UBND các quận, huyện, thị xã đề nghị tham gia góp ý dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố (hạn tham gia góp ý trước ngày 10/10/2017).

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung, hoàn thiện dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố theo kết luận của Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp tập thể UBND Thành phố ngày 27/10/2017

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Công văn số 4931/UBND-TH ngày 09/10/2017 về việc chuẩn bị nội dung trình kỳ họp của HĐND Thành phố cuối năm 2017; trên cơ sở Tờ trình của các Sở chuyên ngành về quy định nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố; Sở Tài chính đã tổng hợp và có Tờ trình số 6861/TTr-STC ngày 25/10/2017 báo cáo UBND Thành phố xem xét, ký Tờ trình báo cáo HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

Căn cứ ý kiến kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố tại cuộc họp Tập thể UBND Thành phố ngày 27/10/2017, Sở Tài chính đã phối hợp các Sở chuyên ngành tiếp thu và báo cáo bổ sung UBND Thành phố một số nội dung như sau:

1. Về sự cần thiết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo và người bị bệnh phong trên địa bàn thành phố Hà Nội:

a. Đối với hộ gia đình cận nghèo:

Ngày 26/6/2012, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 797/QĐ-TTg về nâng mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo; trong đó quy định: ngân sách nhà nước hỗ trợ tối thiểu bằng 70% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình cận nghèo; đồng thời quy định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ khả năng ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác có thể quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại Quyết định này.

Căn cứ quy định của Trung ương, UBND Thành phố đã có Quyết định số 6827/QĐ-UBND ngày 12/11/2013 quy định hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình cận nghèo kể từ ngày 01/01/2014.

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày

13/4/2016 về chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tiếp cận đa chiều thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020; trong đó quy định mức chuẩn hộ nghèo, cận nghèo của Thành phố cao hơn so với quy định của Trung ương. (Theo chuẩn cận nghèo mới, năm 2017, toàn Thành phố có 142.811 người thuộc hộ gia đình cận nghèo). Với việc hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc gia đình cận nghèo theo chuẩn cận nghèo của Thành phố, dự kiến kinh phí thực hiện hỗ trợ từ ngân sách Thành phố hàng năm khoảng 93.000 triệu đồng. Đây là chính sách hỗ trợ đặc thù của Thành phố cao hơn so với quy định của Trung ương nhằm hỗ trợ cho các đối tượng giảm bớt khó khăn trong cuộc sống. Mức hỗ trợ và dự kiến kinh phí hỗ trợ hàng năm phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách Thành phố.

b. Đối với bệnh nhân phong:

Ngày 15/01/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND về việc cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho một số đối tượng, bao gồm: người nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp hàng tháng tại xã, phường và đang được nuôi dưỡng tại các trung tâm bảo trợ xã hội; người mù có hoàn cảnh khó khăn; người bị bệnh phong; người dân thuộc Chương trình 135.

Hiện nay, trong các đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí theo Quyết định số 44/2009/QĐ-UBND của UBND Thành phố, chỉ còn đối tượng người bị bệnh phong chưa có quy định được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, các đối tượng còn lại đã được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo các quy định của Trung ương¹. Do đó, chính sách hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người bị bệnh phong là chính sách đặc thù của Thành phố do Trung ương chưa có quy định.

Hiện nay, Thành phố còn 81 người bị bệnh phong đang được chăm sóc tại Bệnh viện Da liễu Hà Nội. Do số lượng người bị bệnh phong không còn nhiều, việc hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho người bị bệnh phong là cần thiết để giúp giảm bớt khó khăn cho các đối tượng và thực hiện chính sách an sinh xã hội của Thành phố.

2. Về nội dung quy định mức chi từ ngân sách Nhà nước để thực hiện khám, chữa bệnh và chăm sóc người bệnh tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần ban ngày Mai Hương: Tập thể UBND Thành phố thống nhất với nội dung liên Sở đã trình UBND Thành phố.

3. Về đối tượng áp dụng quy định nội dung và mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội:

¹ Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi, bổ sung năm 2014, có 17 trường hợp được cấp thẻ Bảo hiểm y tế miễn phí, trong đó có Người thuộc hộ gia đình nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn; người đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo; Người thuộc diện hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hằng tháng và Điều 9 Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó quy định người khuyết tật nặng và người khuyết tật đặc biệt nặng được nhà nước cấp thẻ bảo hiểm y tế

Về nội dung này, Sở Tư pháp đã nghiên cứu và đề xuất quy định đối tượng áp dụng theo quy định tại Khoản 2 Điều 1, Khoản 17 Điều 3, Điểm d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 19/2017/TT-BTC bao gồm: cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn Thành phố.

4. Về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội.

Căn cứ ý kiến kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố, Sở Tài chính đã chỉnh sửa dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố và dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố, trong đó không đề xuất nội dung về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong nước và nước ngoài đối với hạng ghế thương gia (Business class hoặc C class) cho các chức danh là: Phó Chủ tịch HĐND Thành phố; Phó Chủ tịch UBND Thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội; Ủy viên Thường vụ Thành ủy; Trợ lý Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy và các nội dung về thanh toán tiền thuê phòng nghỉ cho các chức danh trên theo tiêu chuẩn tương đương Thứ trưởng để đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất của quy định.

Đối với các nội dung này, Sở Tài chính sẽ phối hợp Sở Ngoại vụ tham mưu UBND Thành phố có văn bản xin ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính và Bộ Ngoại giao làm cơ sở triển khai thực hiện.

Trên cơ sở giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan chủ trì các nội dung liên quan, Sở Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Tờ trình của UBND Thành phố, dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố và dự thảo Báo cáo của Ban cán sự Đảng UBND Thành phố báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về 04 nội dung nêu trên.

Sở Tài chính kính trình UBND Thành phố, Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố xem xét, ký Tờ trình báo cáo HĐND Thành phố, Thường trực Thành ủy và Ban Thường vụ Thành ủy./.

Hồ sơ kèm theo:

1. Dự thảo Tờ trình UBND Thành phố trình HĐND Thành phố.
2. Dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố về quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.
3. Dự thảo Báo cáo của Ban cán sự Đảng UBND Thành phố báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.
4. Các văn bản giải trình của các Sở chủ trì.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: Tư pháp, LĐTB&XH, Y tế;
- Lưu; VT, TCHCSN(Tâm).



Hà Minh Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2017

Số: 2403/STP-VBPQ



BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố.

Kính gửi: Sở Tài chính thành phố Hà Nội

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 6528/STC-TCHCSN ngày 12/10/2017 của Sở Tài chính về việc đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố. Sau khi nghiên cứu dự thảo và tài liệu có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Nội dung dự thảo Nghị quyết

1. Tên gọi dự thảo

Tên gọi của dự thảo Nghị quyết là “về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố”. Tuy nhiên, nội dung Điều 1; tên gọi của Phụ lục; nội dung phạm vi điều chỉnh được quy định tại phần Phụ lục và tên gọi của Tờ trình lại là: Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị và một số mức chi đặc thù đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định thống nhất tên gọi của dự thảo Nghị quyết, nội dung Điều 1, tên gọi của Phụ lục, nội dung phạm vi điều chỉnh và tên gọi của Tờ trình được quy định tại phần Phụ lục.

2. Nội dung quy định tại phần Phụ lục được ban hành kèm theo Nghị quyết

2.1. Đối tượng áp dụng

Theo chúng tôi, cơ quan soạn thảo không nên quy định mục riêng đối với tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài, những đối tượng dự thảo liệt kê là những cán bộ của Thành phố. Mục 1 quy định áp dụng chế độ công tác phí đã bao gồm cán bộ, công chức, viên chức..... Do đó, nên quy định ngắn gọn đối tượng áp dụng chế độ công tác phí.

2.2. Về mức chi công tác phí

- Điểm a.3 dự thảo quy định “Lãnh đạo cấp cao nhà nước....thực hiện theo quy định tại Quyết định 36/2015/QĐ-TTg ngày 27/8/2015 về thực hiện một số chính sách, chế độ đối với cán bộ cao cấp”. Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại tính chính xác số Quyết định và tên gọi của Quyết định này.

- Đối với đối tượng là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố là lãnh đạo cấp cao của Thành phố. Do đó, việc đề xuất mức chi công tác phí để đảm bảo tính thống nhất chung như trong dự thảo là hợp lý. Tuy nhiên, cơ quan soạn thảo cần giải trình rõ trong Tờ trình việc vận dụng mức chi công tác phí với những cán bộ giữ chức vụ nêu trên căn cứ vào khoản 3 Điều

14 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Điểm c mục 1.1.3 thanh toán theo hóa đơn thực tế

Dự thảo quy định: “Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản a mục này...”. Tuy nhiên, “khoản a mục này” trong dự thảo quy định thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác đối với chức danh lãnh đạo cấp cao là Bí thư Thành ủy chứ không quy định thanh toán theo hình thức khoán. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định lại nội dung này như sau: “Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán tại khoản b mục này...”.

- Điểm b.1: dự thảo quy định “Đối với chức danh lãnh đạo có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí...và Quyết định 1215/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND Thành phố...”. Tuy nhiên, Quyết định 1215/QĐ-UBND là Quyết định cá biệt thí điểm không mang tính ổn định, lâu dài. Để đảm bảo tính ổn định, lâu dài của Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo nên dẫn chiếu chung chung là thực hiện theo Quyết định của UBND Thành phố về việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Tương tự như vậy, tại điểm a mục 1.2.2 mức chi tổ chức hội nghị, cơ quan soạn thảo xem xét việc viện dẫn tới Quyết định 18/2012/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của UBND Thành phố.

- Tại mục 2: quy định về tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác nước ngoài đối với hạng ghế thương gia. Theo chúng tôi, cơ quan soạn thảo nên gộp nội dung này vào điểm a.3. mục 1.1 quy định mức chi công tác phí và nghiên cứu tên gọi chung của điểm a.3 khi quy định gộp tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác trong và ngoài nước.

3. Kỹ thuật trình bày văn bản

3.1. Căn cứ pháp lý

- Đề nghị cơ quan soạn thảo viết đầy đủ số, năm ban hành văn bản. Cụ thể như sau: “Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chủ tịch Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015”.

- Liệt kê các căn cứ pháp lý: đề nghị cơ quan soạn thảo sắp xếp lại các căn cứ liên quan đến Luật Ngân sách trước sau đó đến các căn cứ liên quan khác. Cụ thể: Căn cứ Luật Ngân sách, Nghị định 163/2016/NĐ-CP, Thông tư 342/2016/TT-BTC...

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật khi viện dẫn văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại nội dung quy định tại phần Phụ lục để thực hiện đúng với quy định.

- Bố cục của Dự thảo

Theo chúng tôi cơ quan soạn thảo nên quy định trực tiếp nội dung chi, mức chi công tác phí, chi hội nghị không nên đề phụ lục đính kèm như trong dự thảo để đảm bảo được tính pháp lý cao của văn bản. Đồng thời nghiên cứu Nghị định 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ để bố cục lại các phần trong dự thảo, không nên chia nhỏ các mục và gạch đầu dòng quá nhiều để khi văn bản được ban hành có hiệu lực thì hành dễ thực hiện.

Trên đây là ý kiến của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố./. *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VBQP

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Tâng